

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi: Phạm Thị Thúy – Chủ nhiệm đề tài Khoa học “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ” xin cam đoan mọi số liệu và kết quả nghiên cứu trong đề tài là trung thực, các kết quả nghiên cứu do chính tôi thực hiện, các tài liệu tham khảo đã được trích dẫn đầy đủ.

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Phạm Thị Thúy

## LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian làm đề tài nghiên cứu khoa học “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ”. Cá nhân em không thể hoàn thiện được đề tài nghiên cứu trên nếu không có sự giúp đỡ, chỉ bảo của các anh chị trong Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ, Thạc sỹ Lê Thị Nam Phương. Chính vì vậy em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới:

- Các anh chị phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ
- Cô Lê Thị Nam Phương ( giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài ).
- Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng ( Đơn vị cấp kinh phí thực hiện đề tài)

Đã tận tình giúp đỡ để Em có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>4</b>
1.1 Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.1 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	4
1.1.1.1 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu.....	4
1.1.1.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí.....	6
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.2. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.....	7
1.1.3 Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	10
1.1.3.1. Vai trò.....	10
1.1.3.2 Ý nghĩa.....	10
1.1.4 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	11
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	12
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	20
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	23

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	29
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	30
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	33
1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính .....	35
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	36
1.2.5.2. Kế toán chi phí khác.....	39
1.2.6 Kế toán xác định thuế TNDN .....	41
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	42
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	43
1.4. Một số lý luận về quản lý chi phí kinh doanh trong Doanh nghiệp.....	46
1.4.1. Khái niệm.....	46
1.4.2 Tầm quan trọng của chi phí kinh doanh.....	47
1.4.3 Tỷ suất chi phí.....	47
1.4.3.1. Khái niệm tỷ suất chi phí .....	47
1.4.3.2 Ý nghĩa tỷ suất chi phí .....	47
1.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh trong Doanh nghiệp .....	49
1.4.5. Biện pháp tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.....	50
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ. ....</b>	<b>53</b>
2.1 Khái quát về công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ .....	53
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển .....	53
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	54
2.1.2.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh .....	54

2.1.2.2 Những thuận lợi, khó khăn và những thành tích đã đạt được của Doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển .....	55
2.1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ .....	58
2.1.3.1 Sơ đồ bộ máy quản lý.....	58
2.1.3.2 Chức năng của từng bộ phận.....	59
2.1.4 Cơ cấu bộ máy của phòng tài chính kế toán .....	61
2.1.4.1 Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty.....	61
2.1.4.2 Chức năng nhiệm vụ của từng người .....	62
2.1.4.3 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ .....	63
2.1.4.4 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	63
2.1.4.5 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ .....	64
2.1.4.6 Tổ chức vận dụng chế độ sổ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	65
2.1.5 Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ. ....	66
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ .....	67
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	67
2.2.2. Thực trạng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:.....	78
2.2.3 Thực trạng kế toán giá vốn hàng bán:.....	78
2.2.4: Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	85
2.2.5: Thực trạng công tác kế toán chi phí Quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	97

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	105
<b>CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ.....</b>	<b>116</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.....	116
3.1.1. Ưu điểm.....	116
3.1.2. Nhược điểm.....	118
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	121
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ .....	122
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>136</b>

# LỜI MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Không thể phủ nhận rằng thị trường kinh doanh hiện nay đang ngày một mở rộng hơn, cùng với cơ chế quản lý kinh doanh đổi mới theo yêu cầu cạnh tranh, một mặt mang lại những lợi ích dài hạn giúp các doanh nghiệp phát triển, mặt khác sẽ là thách thức không nhỏ đối với khả năng của doanh nghiệp, buộc các doanh nghiệp phải tổ chức lại cơ cấu sản xuất, chuyển dịch đầu tư và điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với những biến động của môi trường kinh doanh.

Mặt khác, xây dựng tổ chức công tác hạch toán kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc ra quyết định chỉ đạo, điều hành kinh doanh có hiệu quả. Công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở các doanh nghiệp đã được hoàn thiện dần song mới chỉ đáp ứng được yêu cầu quản lý ở các doanh nghiệp với mức hạn chế. Như vậy yêu cầu về hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là mục tiêu luôn được các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu.

Đứng trước tình hình kinh tế hiện tại của đất nước nói chung, và của công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ nói riêng, qua thời gian thực tập và tìm hiểu tại công ty Em đã quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ”.

## 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

Một là: Trình bày có hệ thống những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Hai là: Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ.

Ba là: Từ những lý luận chung và tình hình thực tế tại công ty đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong lý luận và thực tiễn.

- Phạm vi nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ.

### **4. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài**

- Về mặt khoa học: hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về thực tế: Kết quả nghiên cứu của đề tài được áp dụng để nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ. Mặt khác, kết quả có thể ứng dụng trong đơn vị kế toán có đặc điểm tương tự với đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

### **5. Kết cấu của đề tài.**

*Chương 1 : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và một số lý luận về quản lý chi phí trong doanh nghiệp.*

*Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ.*

*Chương 3 : Đề xuất một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ.*



## **6. Phương pháp và thiết bị nghiên cứu**

Trong bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau :

- Phương pháp quan sát, tổng hợp, Phương pháp so sánh
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu và kế thừa thành tựu

Và các kỹ thuật nghiệp vụ cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị như : thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, phân loại chi phí đáp ứng các mục tiêu cụ thể, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

## **7. Những đóng góp của đề tài**

1. Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo :

Là tài liệu tham khảo cho giảng viên, sinh viên và những đối tượng quan tâm khác để nhằm để phục vụ cho một số mục đích nghiên cứu.

2. Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế :

Những giải pháp cụ thể đưa ra trong công trình nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí nói riêng nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.

3. Những đóng góp về mặt xã hội (các giải pháp cho vấn đề xã hội) và những đóng góp khác

Do thời gian có hạn ,tài liệu nghiên cứu không thật đầy đủ nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và ý kiến đóng góp của hội đồng để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo *Thạc sỹ Lê Thị Nam Phương* và sự tạo điều kiện, giúp đỡ của lãnh đạo công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ để em hoàn thành bài nghiên cứu này.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

## CHƯƠNG 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1 Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

#### 1.1.1 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

##### 1.1.1.1 Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu.

###### a. Các loại Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản, nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bị trả lại. Trong đó, giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả những khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- *Doanh thu thuần*: là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), Doanh thu nội bộ (TK 512) sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu,

chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

-*Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, tổng công ty.

-*Doanh thu hoạt động tài chính*: là doanh thu từ tiền lãi. Tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

-*Thu nhập khác*: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

-*Thời điểm ghi nhận doanh thu*: là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm mà người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà người bán đã chuyển giao.

#### *b. Các khoản giảm trừ doanh thu*

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương thức trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi nhận trên hóa đơn kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hóa.

- *Giảm giá hàng bán* : là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, hàng giao không đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng .

- *Hàng bán bị trả lại*: là số tiền mà doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng vì số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như sai quy cách, chất lượng không đảm bảo...

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là thuế đánh vào những mặt hàng hóa, dịch vụ mà không phục vụ thiết yếu cho đời sống người dân lao động.

- *Thuế xuất khẩu*: là thuế đánh vào những mặt hàng được xuất ra nước ngoài theo quy định.

- *Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp phải nộp theo phương pháp trực tiếp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

#### *1.1.1.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí*

##### *a. Khái niệm về chi phí trong doanh nghiệp*

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

##### *b. Các loại chi phí trong doanh nghiệp*

- *Giá vốn hàng bán*: là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời trị giá hàng xuất bán cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

- *Chi phí bán hàng*: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến công việc hành chính, quản trị ở phạm vi toàn doanh nghiệp.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: là những chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của DN.

- *Chi phí khác*: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

#### *1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của DN đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của DN bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

#### *1.1.2. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.*

Bán hàng là quá trình các DN thực hiện việc chuyển hóa vốn sản xuất kinh doanh của mình từ hình thái hàng hóa sang hình thái tiền tệ và hình thành kết quả bán hàng, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi DN.

Như vậy, bán hàng là thực hiện mục đích của sản xuất và tiêu dùng, đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Bán hàng là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên sản xuất phân phối và một bên là tiêu dùng. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường thì bán hàng được hiểu theo nghĩa rộng hơn: “ Bán hàng là quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, tổ chức mua hàng hóa và xuất bán theo yêu cầu của khách hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất ”.

Mối quan hệ giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, còn xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp quyết định có nên tiêu thụ hàng hóa đó nữa không. Do đó có thể nói rằng bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp, còn bán hàng là phương tiện trực tiếp để đạt được mục đích đó.

❖ ***Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ.***

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa.

Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà doanh nghiệp thường xuyên áp dụng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho của doanh nghiệp. Theo phương thức này khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì đồng thời khách hàng thanh toán ngay hoặc chấp nhận thanh toán đảm bảo các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ:

+ Phương thức bán buôn: là hình thức bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại hoặc bán cho các doanh nghiệp sản xuất để tiếp tục sản xuất. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Phương thức bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên với người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức hàng gửi đi bán: là phương thức mà ở đó định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở của thỏa thuận hợp đồng mua bán giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm quy ước trong hợp đồng. Khi xuất kho hàng gửi đi bán,

hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi ấy hàng mới chuyển quyền sở hữu và ghi nhận doanh nghiệp thu bán hàng. Theo phương thức này có các trường hợp bán hàng sau: Bán buôn theo hình thức gửi hàng, bán hàng đại lý ký gửi.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ: theo phương thức này, các cơ sở sản xuất kinh doanh khi xuất hàng hóa đều chuyển cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng.... ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc nhau: xuất trả hàng từ đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh.

### ***1.1.3 Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

#### ***1.1.3.1. Vai trò***

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho Doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

- Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định.

- Là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta mới đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của DN.

#### ***1.1.3.2 Ý nghĩa***

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp

- Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.



- Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

#### ***1.1.4 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua- bán kinh doanh của DN

- Kiểm tra đôn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn trả, tình hình trả nợ của khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

## **1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### ***1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.***

#### ***1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.***

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 ban hành và công bố theo quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả năm điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng.

- + Xác định các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng gồm doanh thu bán ra ngoài và doanh thu bán hàng nội bộ.

Theo chuẩn mực số 14 của Bộ tài chính, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- + Xác định được phần việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ ***Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa VAT.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định bằng số tiền nhận trước chia cho số năm trả tiền trước.

➤ ***Chứng từ kế toán sử dụng***

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số: 01-GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số: 02-GTKT3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- Bảng thanh toán hàng gửi đại lý, ký gửi; Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh toán ( phiếu thu, séc chuyên khoản, ủy nhiệm chi,...)
- Tờ khai thuế giá trị gia tăng
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại...

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh

**Tài khoản 511 có kết cấu như sau:**

<b>Bên nợ</b>	<b>Bên có</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán</li> <li>- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ</li> <li>- Khoản giảm trừ hàng bán kết chuyển cuối kỳ</li> <li>- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinhdoanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán</li> </ul>

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 512** – Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá nội bộ.

**Tài khoản 512 có kết cấu như sau:**

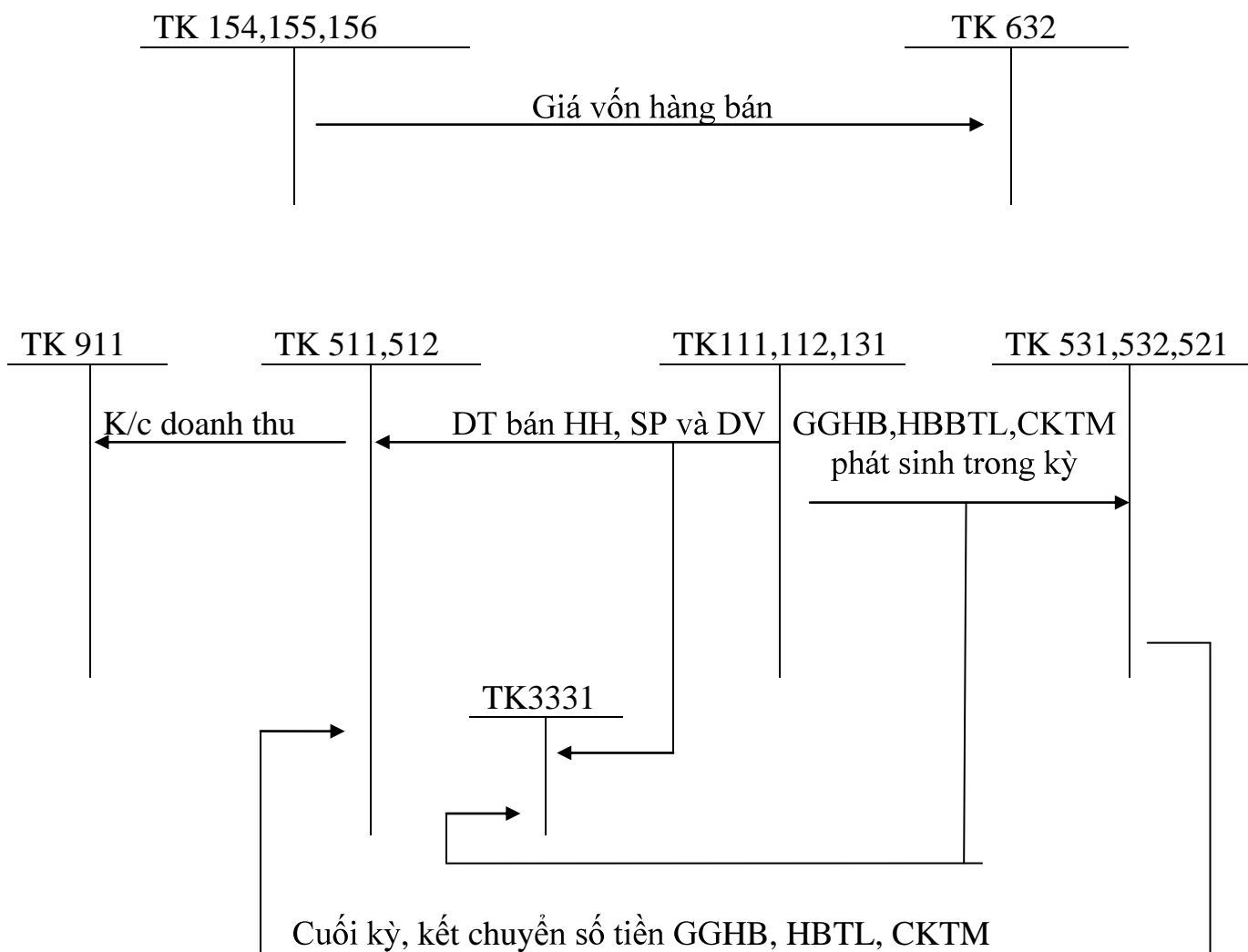
<b>Bên nợ:</b>	<b>Bên Có:</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán</li> <li>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ;</li> <li>- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;</li> <li>- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>

*Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.*

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

**Sơ đồ 1.1: Kế toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán hàng trực tiếp**

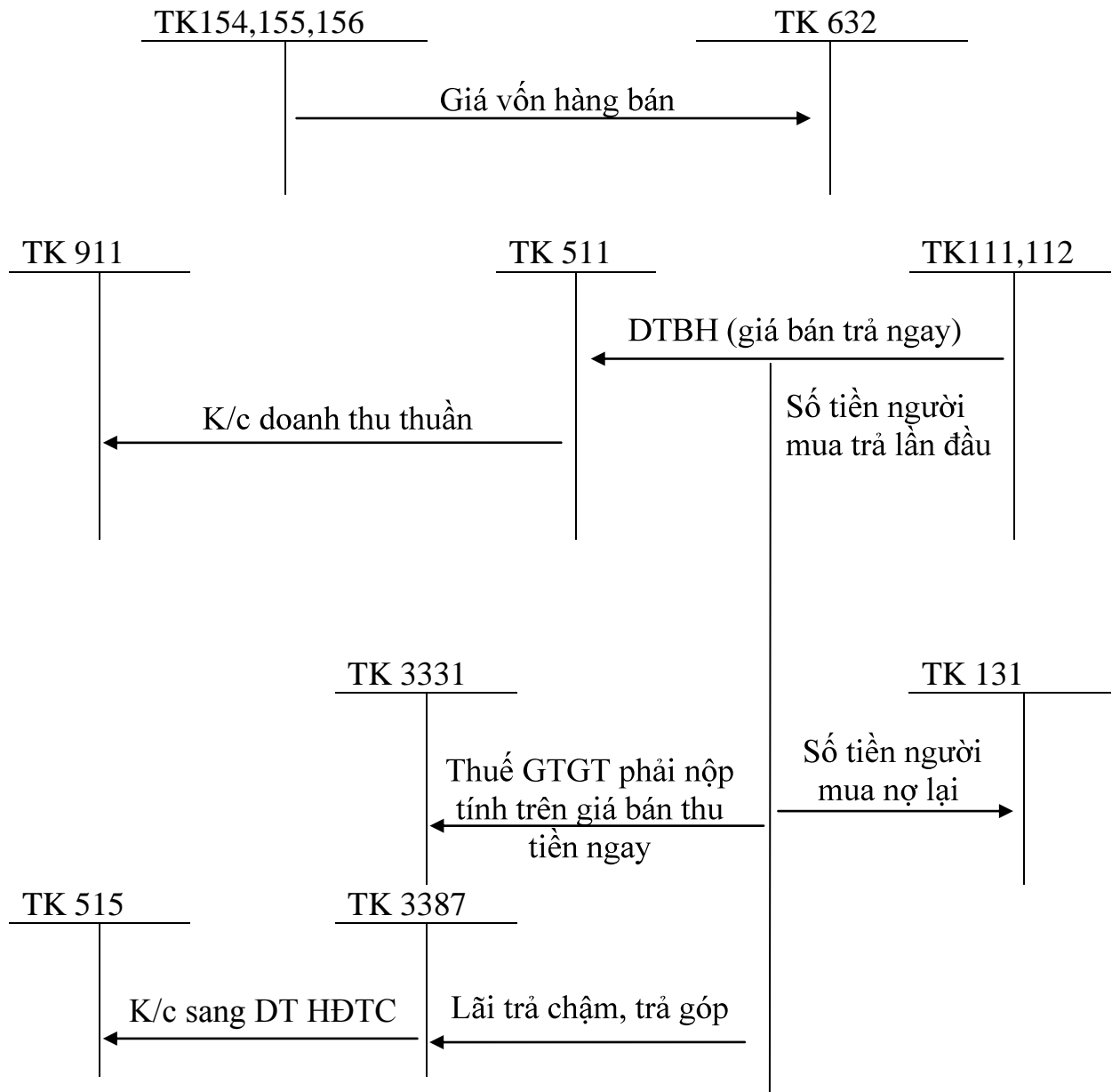


**Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thông qua đại lý**

( Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)

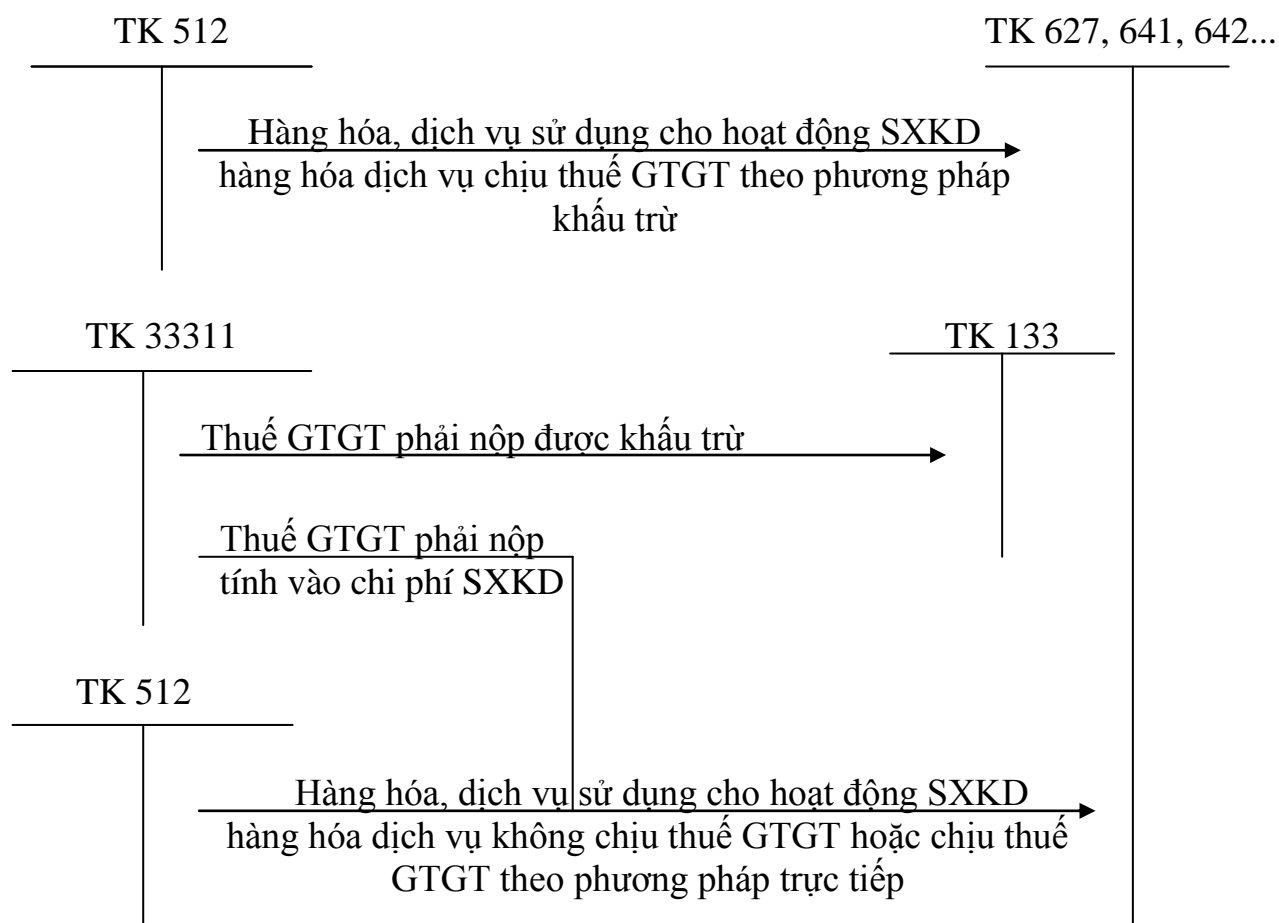


**Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp**





**.Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ**



### 1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số: 01-GTKT3/001)
- Phiếu chi ( mẫu số 02- TT)
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này được dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản CKTM

**Tài khoản 521 có kết cấu như sau:**

<b>Bên Nợ:</b>	<b>Bên Có:</b>
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

*Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ*

❖ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán nay bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây.

Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641- Chi phí bán hàng.

**Tài khoản 531 có kết cấu như sau:**

<b>Bên Nợ:</b>	<b>Bên Có:</b>
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán	- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Tài khoản 512 - Doanh thu nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

*Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại, không có số dư cuối kỳ*

❖ **Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất. . .

**Tài khoản 532 có kết cấu như sau:**

<b>Bên nợ</b>	<b>Bên Có:</b>
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.	- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

*Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán, không có số dư cuối kỳ*

❖ **Thuế**

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

***Thuế GTGT phải nộp = GTGT của hàng hóa, dịch vụ \* Thuế suất thuế GTGT***  
***GTGT = Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra - Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ mua vào tương ứng***

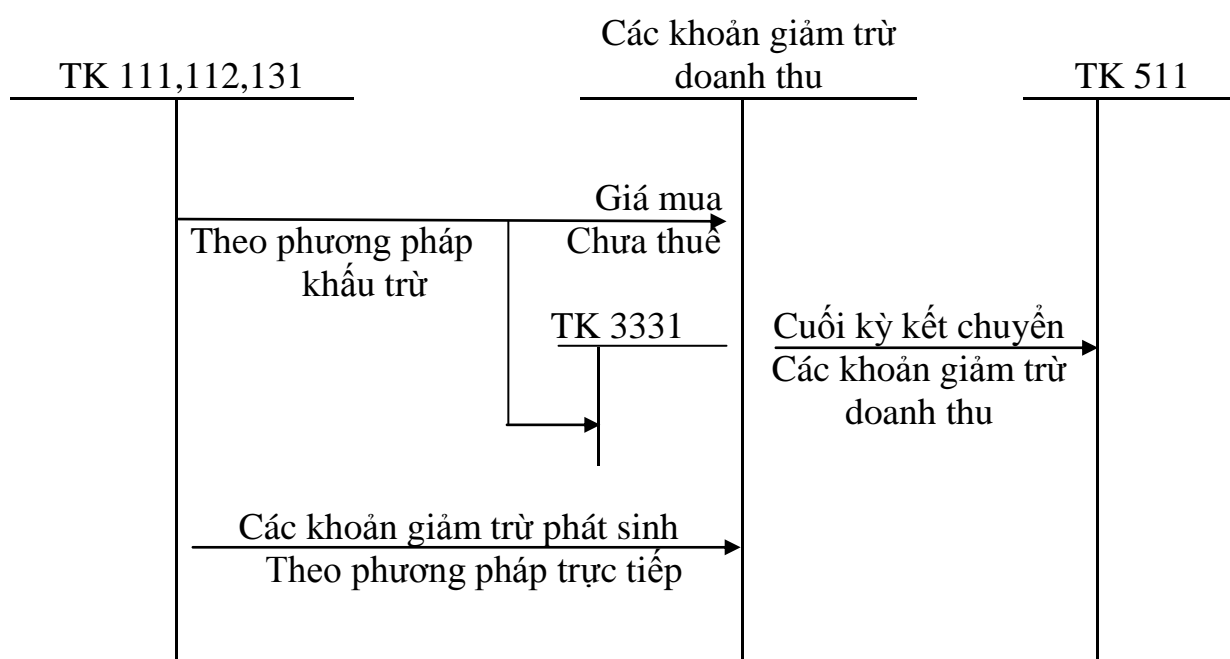
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

***Thuế TTĐB phải nộp = Giá tính thuế TTĐB \* thuế suất thuế TTĐB***

- Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

### **Phương pháp hạch toán:**

#### **Sơ đồ 1.5 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



#### **1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:**

##### **- Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

**- Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp bình quân gia quyền:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Nếu đơn giá bình quân cả kỳ được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn.

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Bình quân} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn trong kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

→ Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

**- Phương pháp nhập trước – xuất trước:**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

**- Phương pháp nhập sau – xuất trước:**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

**➤ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Các chứng từ khác có liên quan

**➤ Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

**Tài khoản 632 có kết cấu như sau:**

<i><b>Bên nợ:</b></i>	<i><b>Bên có:</b></i>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã cung cấp theo từng hóa đơn.</li> <li>- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.</li> <li>- Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li> <li>- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.</li> <li>- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</li> <li>- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ vào bên nợ tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>

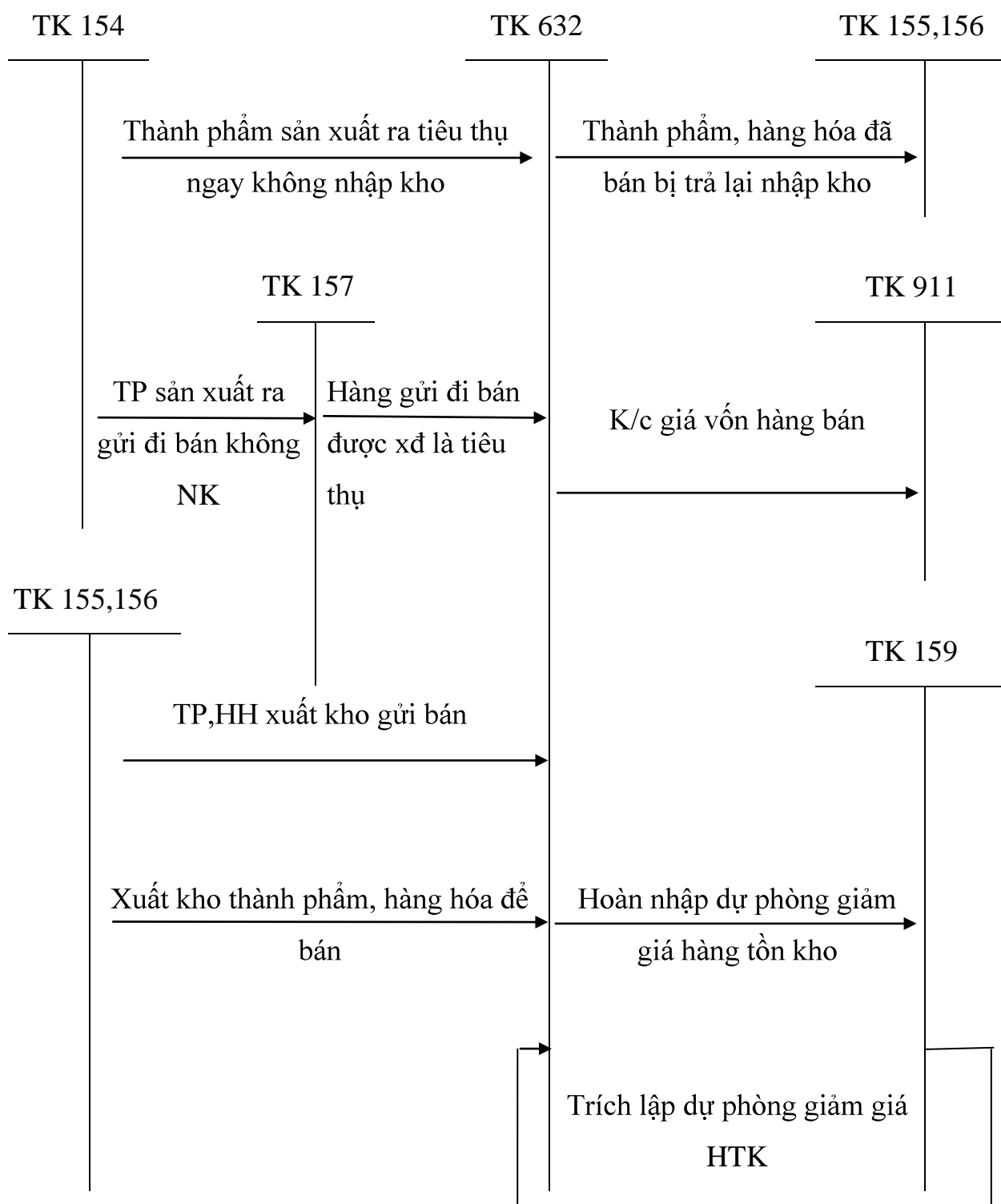
*Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ*

➤ **Phương pháp hạch toán giá vốn**

\* *Phương pháp kê khai thường xuyên* : Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh các nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy giá trị vật tư, hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

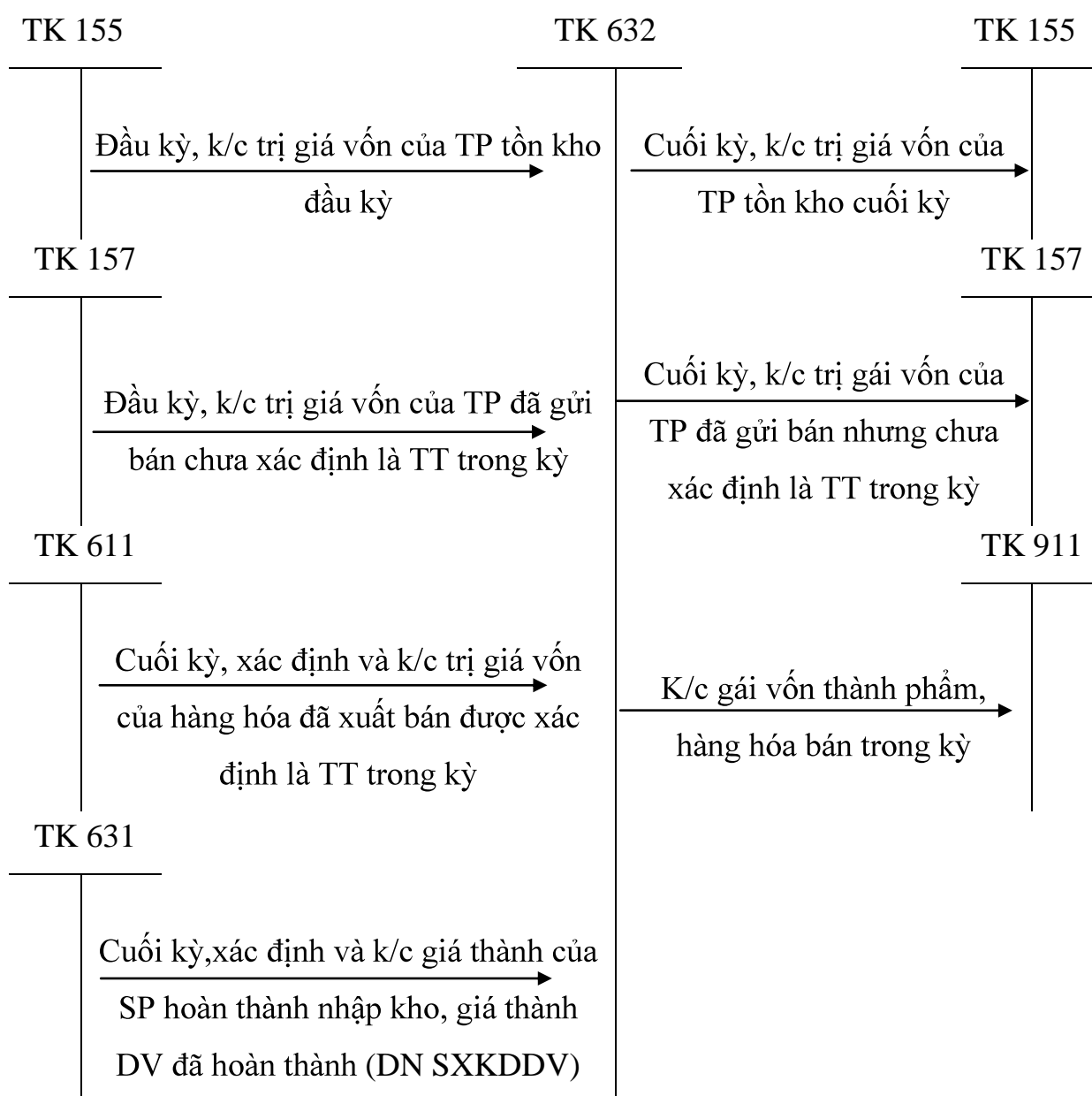


**Sơ đồ 1.6: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



\* *Phương pháp kiểm kê định kỳ* : Là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ. Trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép về nghiệp vụ nhập vật liệu, còn trị giá vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.7 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



### **1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### **1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên bán hàng theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu bao bì.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường tính toán làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên, chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

#### **➤ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi, Giấy báo nợ, Bảng thanh toán tiền lương

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định

- Các chứng từ khác có liên quan

#### **➤ Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng được mở chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên

- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Tài khoản 6415 - Chi phí bào hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

**Tài khoản 641 có kết cấu như sau:**

<b>Bên Nợ:</b>	<b>Bên Có</b>
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

*Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng, không có số dư cuối kỳ*

#### 1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: là giá trị thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của Ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của DN.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn,...

- Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài,... và các khoản phí, lệ phí như giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản kể trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, chi phí công tác phí, chi phí đào tạo cán bộ, các khoản chi phí khác.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi , Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ và các chứng từ có liên quan khác

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài...

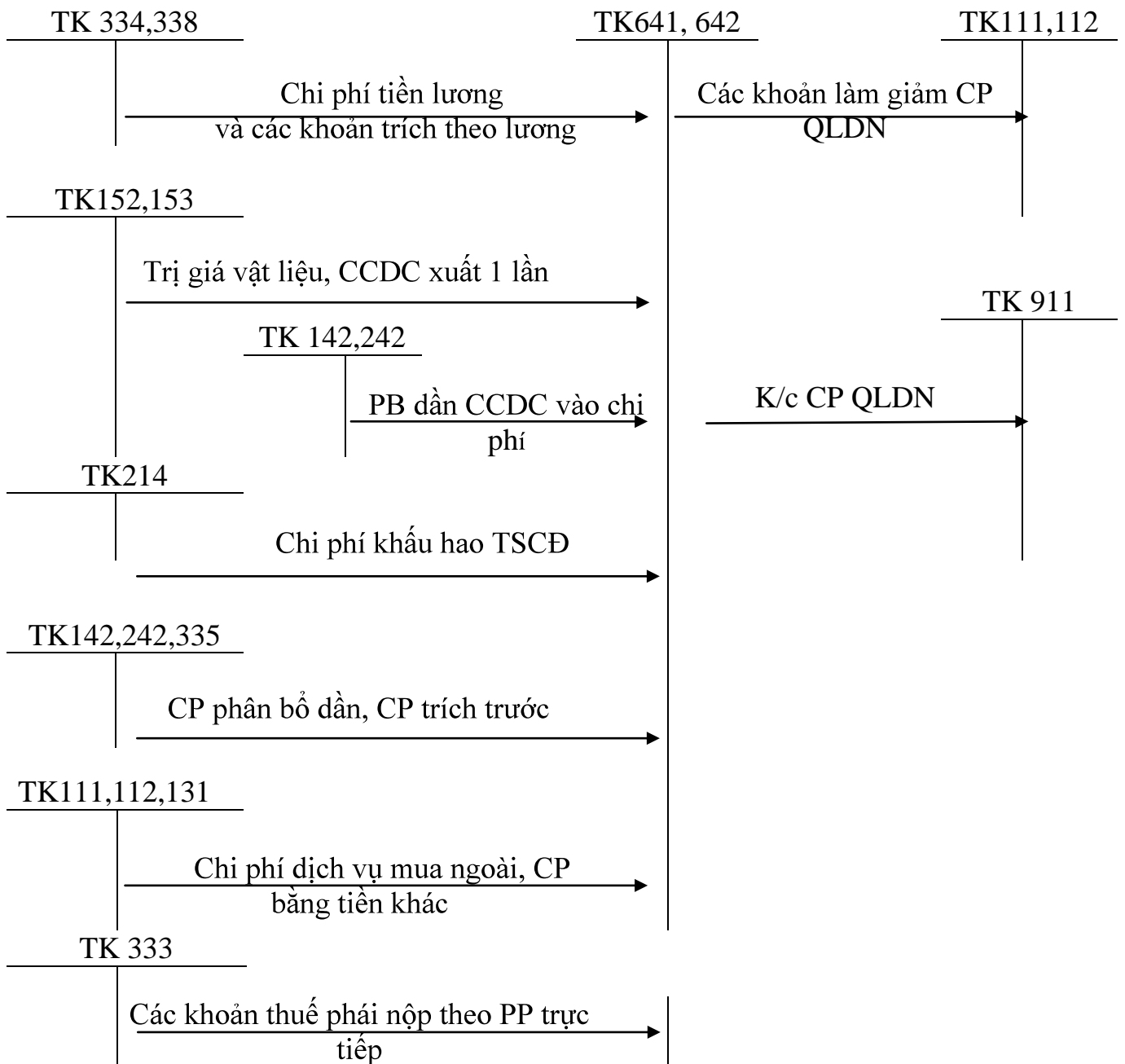
**Tài khoản 642 có kết cấu như sau:**

<b>Bên nợ:</b>	<b>Bên có:</b>
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

*Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, không có số dư cuối kỳ*

➤ **Phương pháp hạch toán:**

**Sơ đồ 1.8 : Kế toán Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



## **1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

### **1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau :

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá,....

- Cổ tức lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chiết khấu thanh toán được hưởng

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

#### **➤ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu thu , Giấy báo có, Các hợp đồng vay vốn...

#### **➤ Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

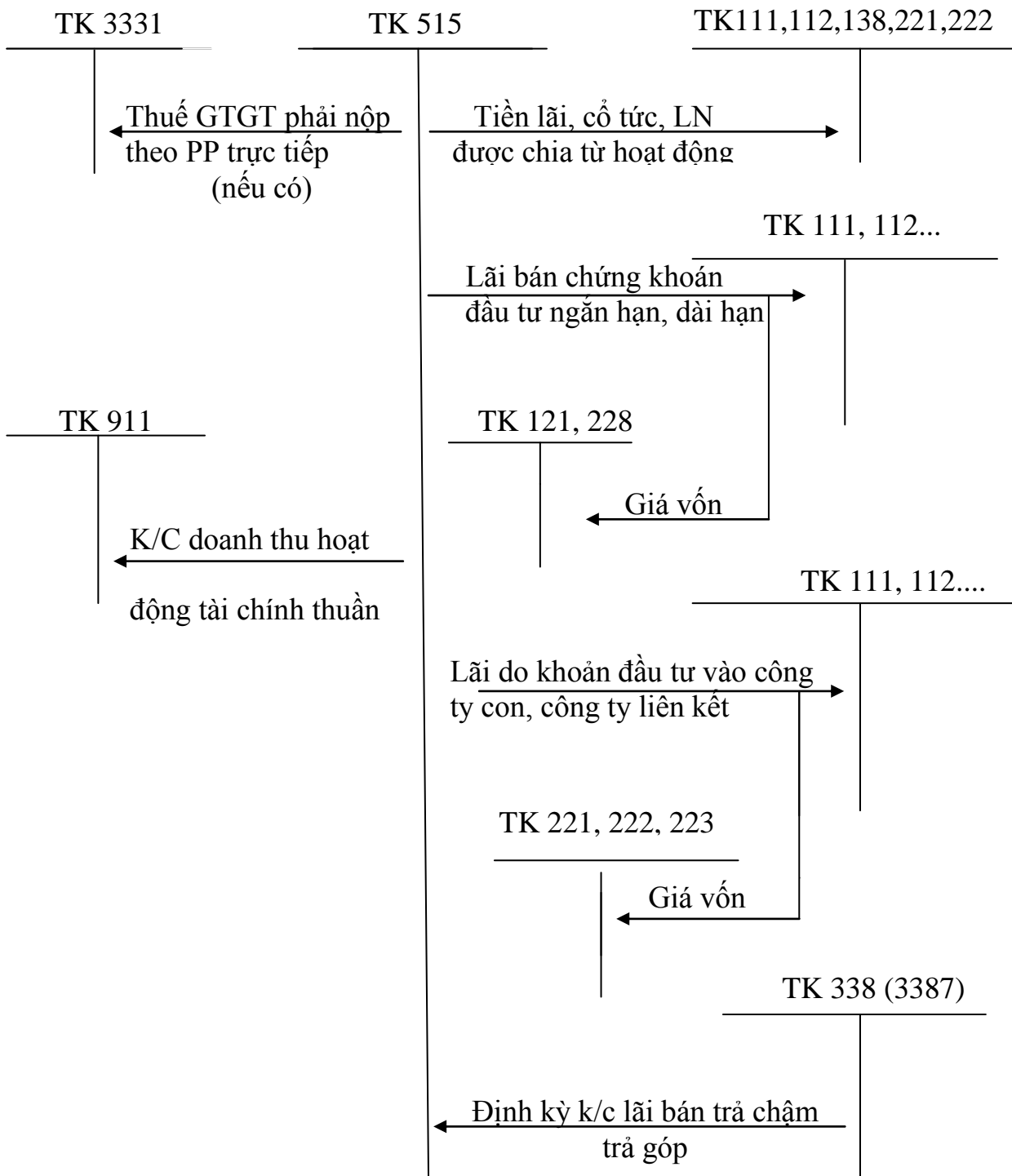
**Tài khoản 515 có kết cấu như sau:**

<b>Bên Nợ:</b>	<b>Bên Có</b>
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.	- Các khoản làm tăng doanh thu hoạt động tài chính

*Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính, không có số dư cuối kỳ*

➤ **Phương pháp hạch toán:**

**Sơ đồ 1.9: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**





#### 1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

##### ➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi, Giấy báo nợ, Các hợp đồng vay vốn, biên bản góp vốn..

##### ➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

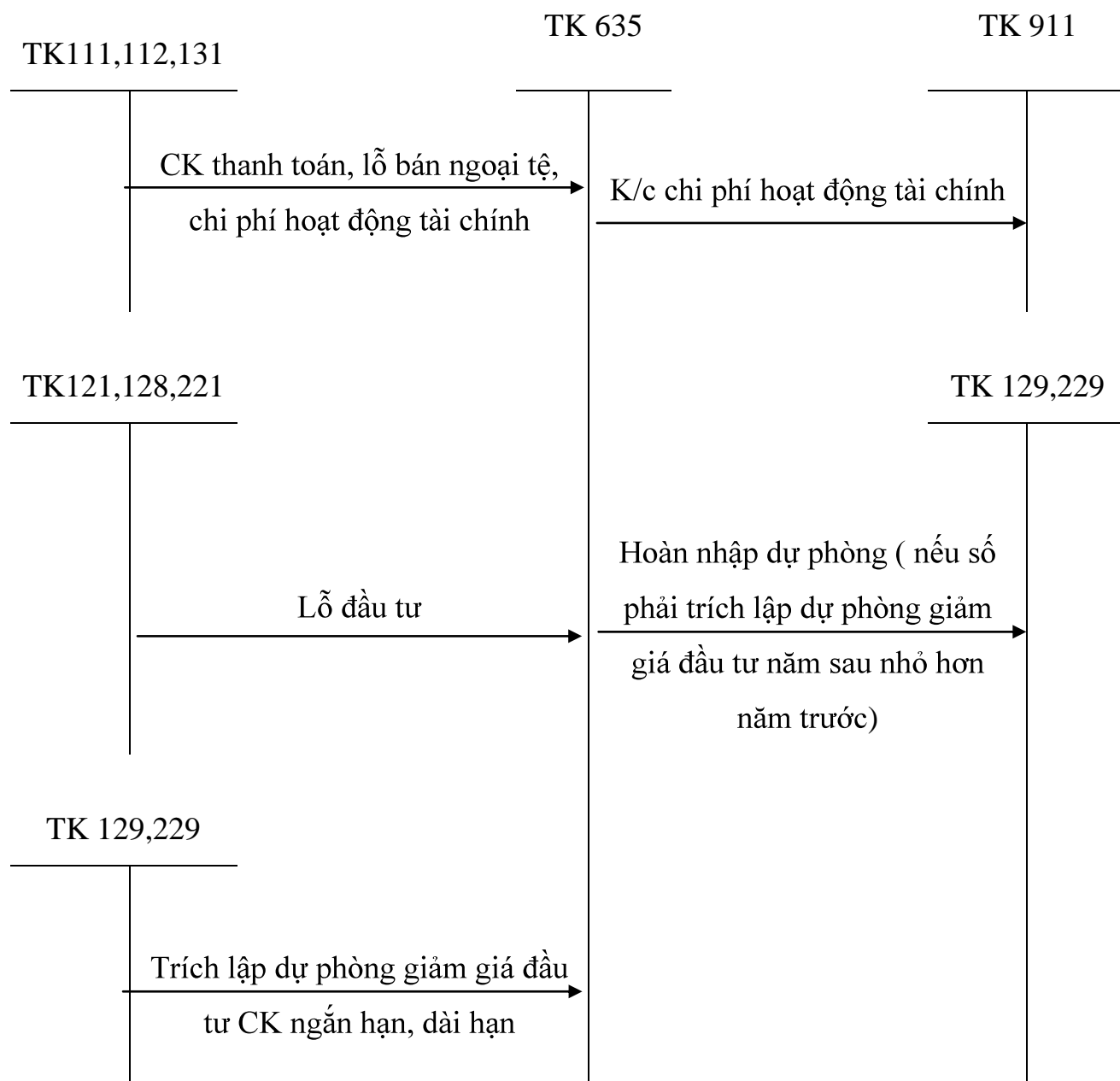
**Tài khoản 635 có kết cấu như sau:**

<b>Bên Nợ:</b>	<b>Bên Có:</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;</li><li>- Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua;</li><li>- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);</li><li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);</li><li>- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.</li><li>- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư TC khác</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);</li><li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh..</li></ul>

*Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính, không có số dư cuối kỳ*

➤ Phương pháp hạch toán

*Sơ đồ 1.10 : Kế toán chi phí tài chính*



**1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

**1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác**

Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập phát sinh ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

- Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung sau :
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
  - Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
  - Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
  - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
  - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
  - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
  - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
  - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);
  - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
  - Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, các chứng từ thanh toán như Phiếu thu , giấy báo có.....
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

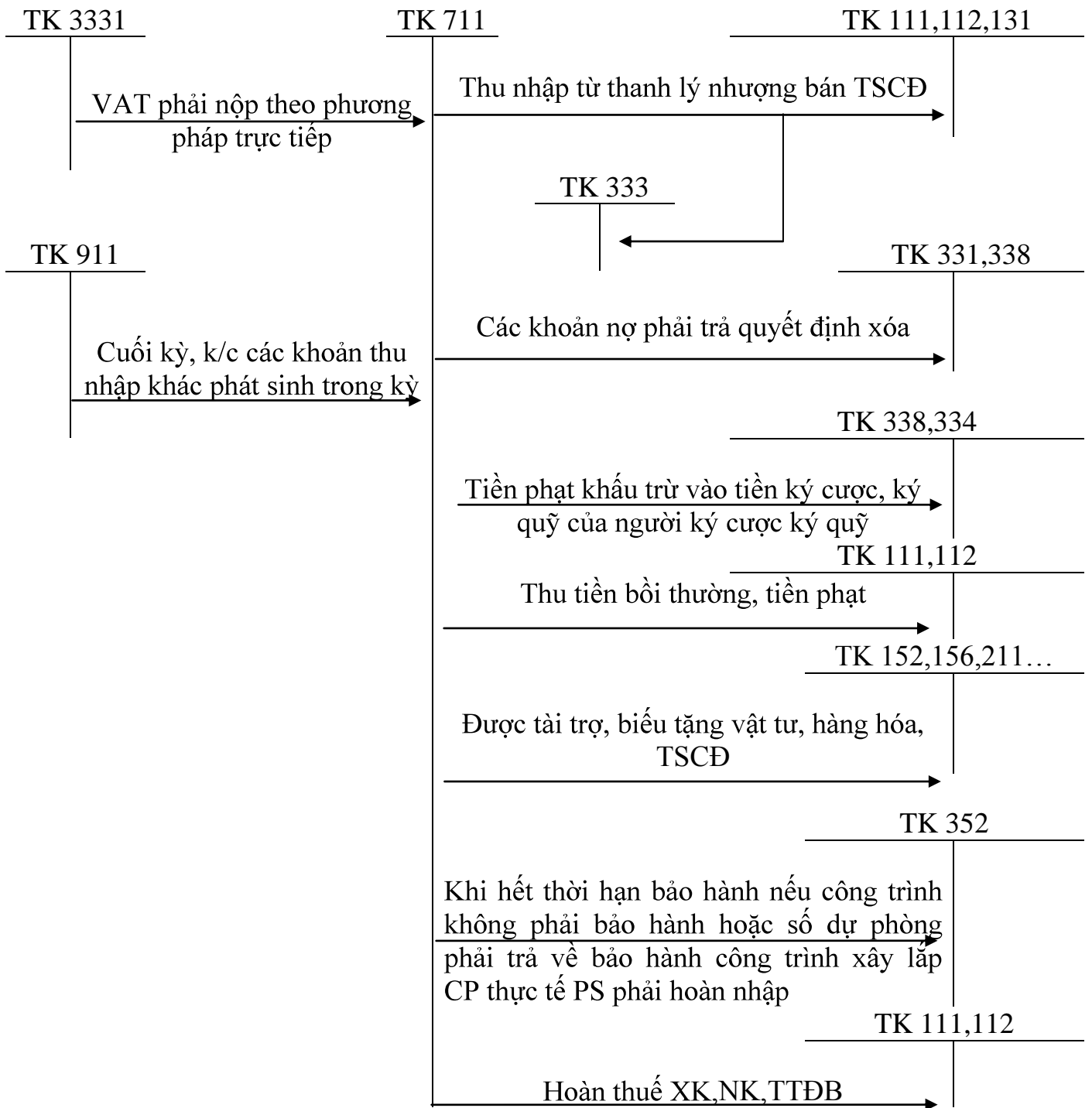
**Tài khoản 711 có kết cấu như sau:**

<b>Bên Nợ:</b>	<b>Bên Có:</b>
-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh	- Các khoản thu nhập khác phát sinh tăng trong kỳ. Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

*Tài khoản 711- Thu nhập khác, không có số dư cuối kỳ*

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11 : Kế toán thu nhập khác



#### 1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung như sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

#### ➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

#### ➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

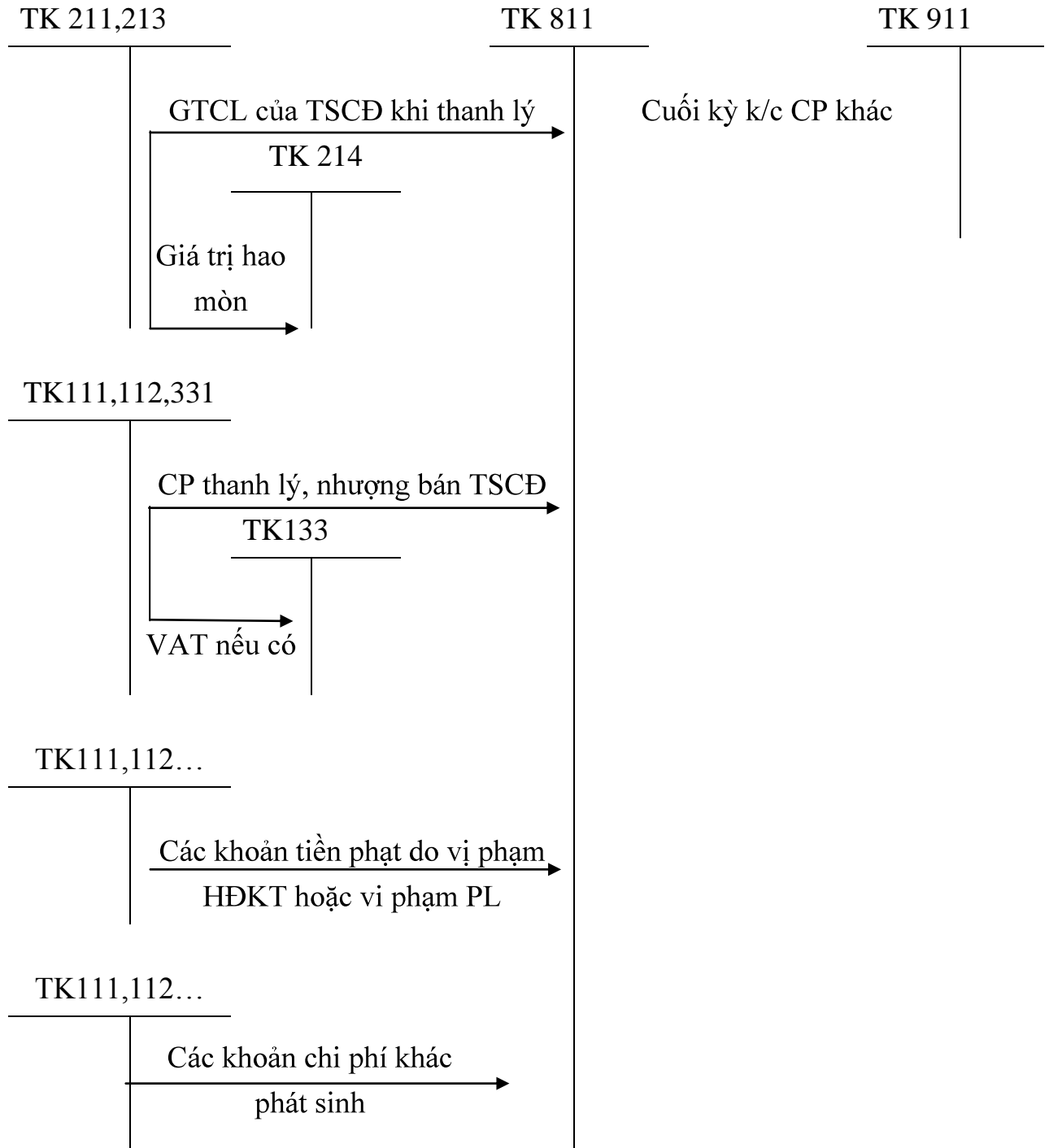
**Tài khoản 811 có kết cấu như sau:**

<b>Bên Nợ:</b>	<b>Bên Có:</b>
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 811- Chi phí khác, không có số dư cuối kỳ*

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12 : Kế toán chi phí khác



### 1.2.6 Kế toán xác định thuế TNDN

Thuế Thu nhập doanh nghiệp ( viết tắt là TNDN ) là loại thuế trực thu đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

#### ➤ Tài khoản sử dụng

*TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.*

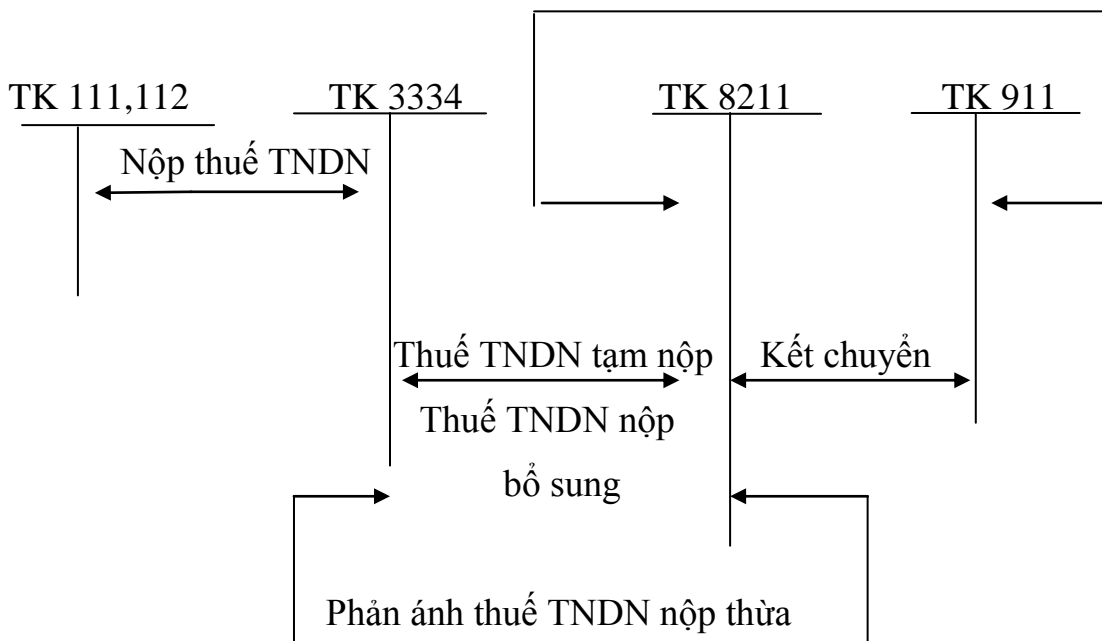
Công dụng: Tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản này có 2 tài khoản chi tiết:

*TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

*TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.*

**Sơ đồ hạch toán :**



**Sơ đồ 1.13 : Kế toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp**

### 1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

#### ➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyển (Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản các bút toán xác định lãi lỗ).

➤ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

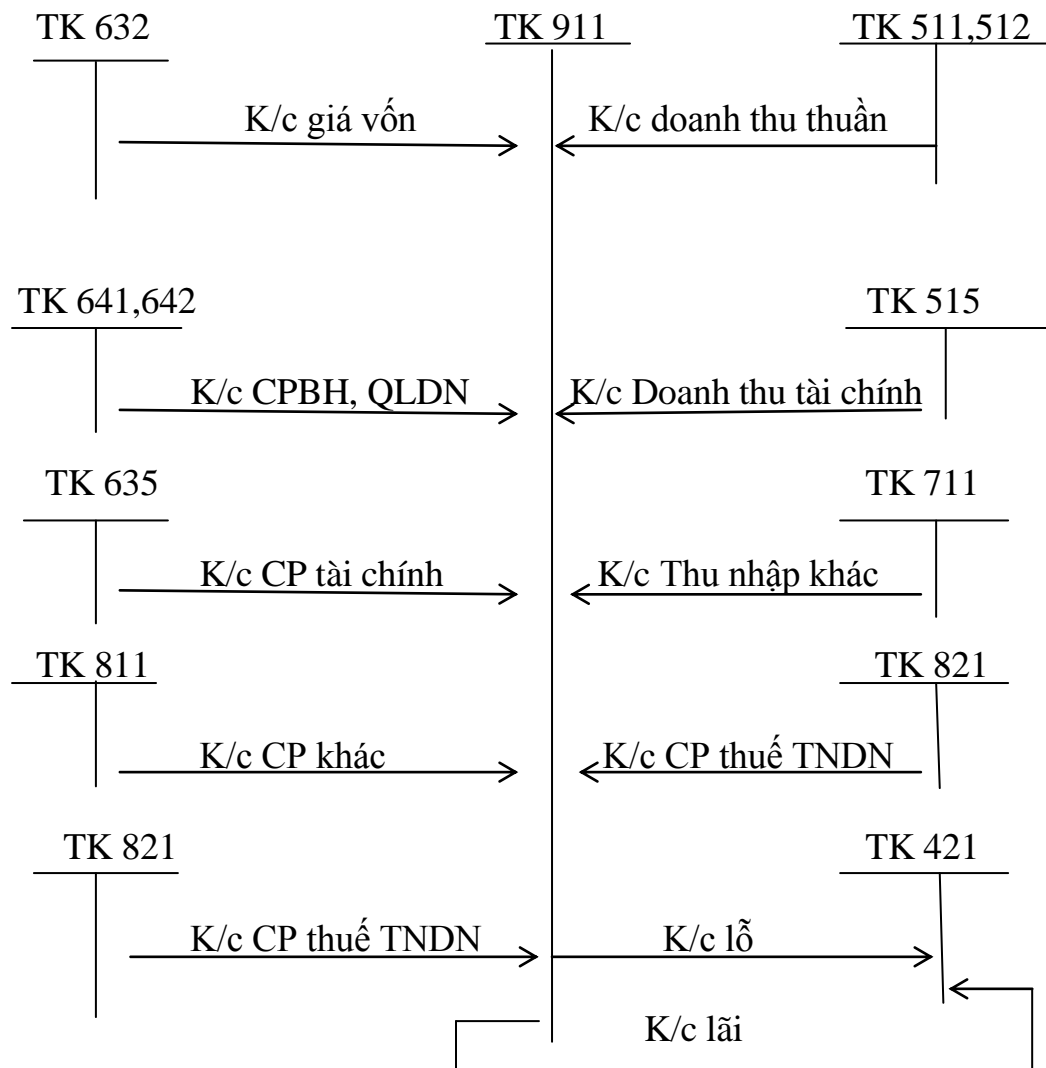
**Tài khoản 911 có kết cấu như sau:**

<i><b>Bên Nợ</b></i>	<i><b>Bên Có:</b></i>
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh, không có số dư cuối kỳ*



➤ **Phương pháp hạch toán**



*Sơ đồ 1.14 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh*

**1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

✓ Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký-chứng từ, Sổ nhật ký chung, Sổ cái.

- Sổ kế toán chi tiết gồm có: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán. Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết các tài khoản khác...

✓ Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

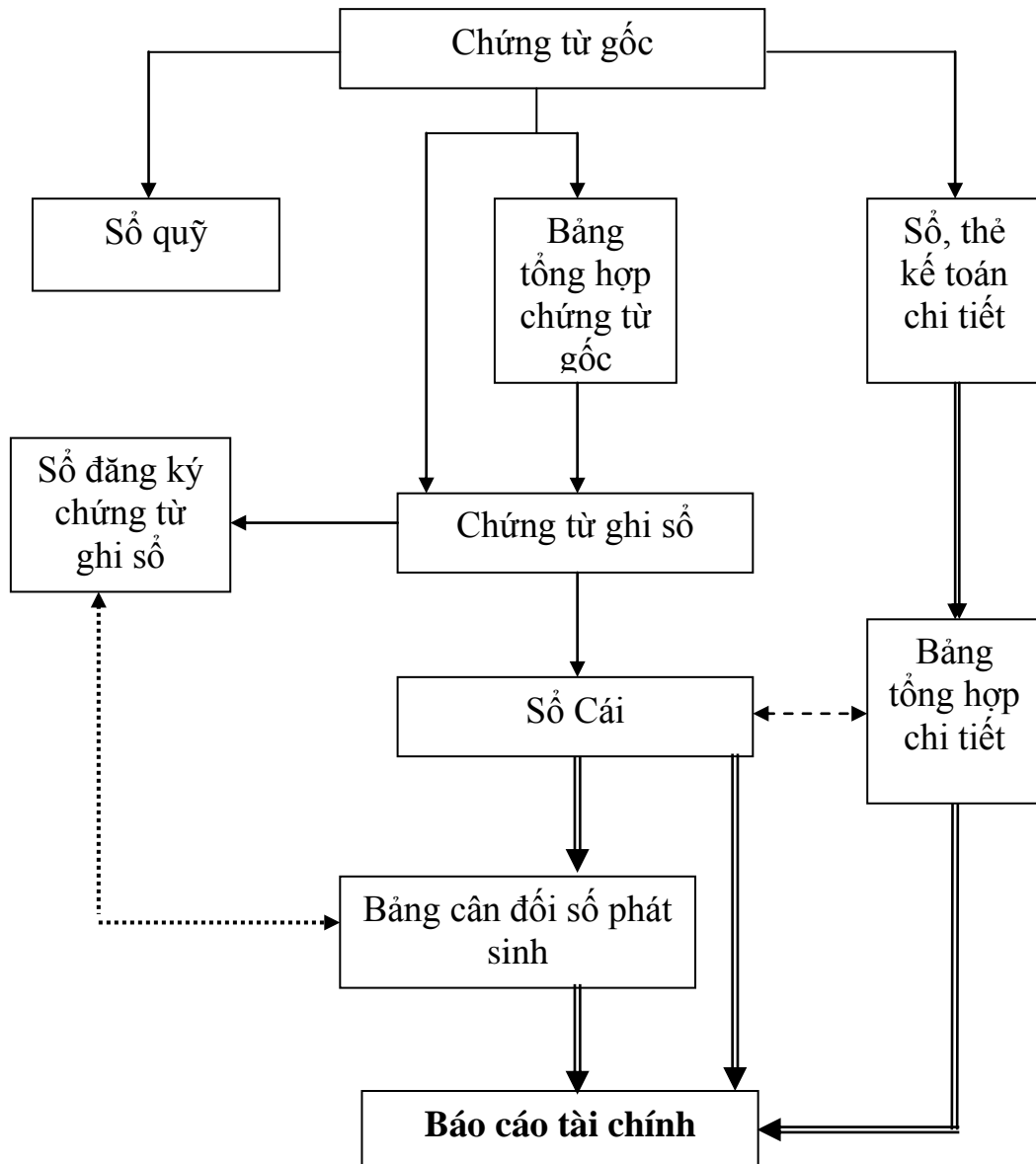
*Ví dụ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ*

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh nợ, Tổng số phát sinh có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng phát sinh Nợ và Tổng phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và Tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN  
CHỨNG TỪ GHI SỔ**



*Ghi chú:*

*Ghi hàng ngày*                       $\longrightarrow$

*Ghi cuối tháng*                       $\Longrightarrow$

*Đối chiếu, kiểm tra*                       $\longleftrightarrow$

## **1.4. Một số lý luận về quản lý chi phí kinh doanh trong Doanh nghiệp.**

### **1.4.1. Khái niệm.**

- Khái niệm chung: Chi phí là giá trị của những gì phải từ bỏ để có thể đạt được hoặc có được một thứ gì đó thông qua sản xuất, trao đổi và các hoạt động của con người

- Chi phí trong kinh doanh đều được biểu hiện ra bằng tiền, khoản chi phí được biểu hiện ra bằng tiền như: chi phí bỏ ra để hoàn thành công trình xây dựng, chi phí tiền lương, điện, nước, vận chuyển.... Có những hao phí về hiện vật được quy ra tiền như: hao phí về tài sản cố định, vật rẻ tiền mau hỏng, nhiên liệu, hao hụt nguyên liệu, hàng hoá....

❖ Chi phí kinh doanh đa dạng thể hiện ở nhiều loại chi phí khác nhau, mức độ chi phí khác nhau và các chi phí này cũng mang các tính chất khác nhau:

- Tính chất chi phí sản xuất: là chi phí tạo ra sản phẩm và giá trị mới hay giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Tính chất chi phí lưu thông: liên quan đến việc làm thay đổi hình thái của sản phẩm hàng thành tiền hoặc tiền thành hàng.

- Tính chất chi phí dịch vụ: liên quan đến việc thoả mãn nhu cầu của khách hàng, ví dụ như công trình xây dựng hoàn thành phải an toàn, thiết kế đẹp mắt, đào tạo các kỹ thuật có kinh nghiệm....

- Tính chất chi phí quản lý hành chính không liên quan trực tiếp đến quá trình cung ứng và tạo ra sản phẩm nhưng nó cũng rất cần thiết vì nó giúp cho quá trình kinh doanh diễn ra trôi chảy.

❖ Chi phí là sự chuyển hoá của vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh:

- Chi phí là sự tiêu hao, mất mát trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên sản phẩm có ích cho con người và chi phí sẽ được bù đắp lại sau khi quá trình kinh doanh kết thúc.

- Vốn biểu thị dưới dạng nguồn lực cần thiết để bắt đầu quá trình kinh doanh, vốn sẽ được chuyển hoá từ tiền thành hàng, thành chi phí....Vốn phải được bảo toàn và phải được thu hồi lại.

#### **1.4.2 Tầm quan trọng của chi phí kinh doanh**

Về góc độ kinh tế, tiết kiệm chi phí là một trong những biện pháp cơ bản để doanh nghiệp có thể tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đó là điều kiện cơ bản để tái sản xuất mở rộng tái sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, công nhân viên.

Ngoài ra tiết kiệm chi phí còn cho phép doanh nghiệp hạ thấp được giá thành các sản phẩm dịch vụ, hạ giá bán sản phẩm để thu hút khách hàng. Vì vậy doanh nghiệp phải luôn luôn coi trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí.

#### **1.4.3 Tỷ suất chi phí**

##### **1.4.3.1. Khái niệm tỷ suất chi phí**

*Tỷ suất chi phí* là tỷ số hoặc tỷ lệ phần trăm so sánh giữa tổng chi phí kinh doanh và doanh thu đạt được trong một thời kỳ nhất định (có thể là một năm, một quý, một tháng) của doanh nghiệp.

Biểu hiện – công thức:  $F' = F / D \cdot 100$

$F'$  : tỷ suất chi phí của doanh nghiệp

$F$  : tổng chi phí kinh doanh

$D$  : tổng doanh thu

##### **1.4.3.2 Ý nghĩa tỷ suất chi phí**

- *Tỷ suất chi phí* là chỉ tiêu chất lượng phản ánh trong một thời kỳ nhất định, để đạt được một đồng doanh thu, doanh nghiệp cần phải bỏ ra bao nhiêu đồng chi phí. Chỉ tiêu này có thể sử dụng để so sánh giữa các thời kỳ với nhau trong một doanh nghiệp hoặc giữa các doanh nghiệp trong cùng một thời kỳ với nhau.

- *Mức tăng (giảm) chi phí*: chỉ tiêu này đánh giá đơn vị có quản lý tốt chi phí hay không qua việc so sánh tỷ suất phí giữa kỳ này so với kỳ trước hoặc kỳ thực hiện so với kỳ kế hoạch và chỉ tiêu biểu hiện dưới dạng số tương đối:

$$\Delta F' = F_1' - F_0'$$

- trong đó:
- $\Delta F$  : mức độ tăng hoặc giảm chi phí
  - $F_1'$  : tỷ suất chi phí của kỳ này (thực hiện)
  - $F_0'$  : tỷ suất chi phí của kỳ trước (kế hoạch)

- Đồng thời với chỉ tiêu trên chúng ta sử dụng thêm chỉ tiêu tốc độ tăng (giảm) phí. Theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ tăng (giảm) phí} = \Delta F' / F_0' \cdot 100$$

- Qua hai chỉ tiêu trên cho thấy, mục tiêu của doanh nghiệp là phải luôn luôn hướng tới việc giảm tỷ suất chi phí, tăng nhanh tốc độ giảm phí, đó là cơ sở cho việc tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Chỉ tiêu số tiền tiết kiệm (bội chi) của doanh nghiệp:

$$\pm F = \Delta F' \cdot D_1 / 100$$

- trong đó:
- $\pm F$  : số tiền bội chi hoặc tiết kiệm của doanh nghiệp trong kỳ
  - $D_1$  : doanh thu đạt được năm nay (thực hiện)

- Qua các chỉ tiêu trên chúng ta có thể đánh giá được chất lượng hoạt động của doanh nghiệp trong việc quản lý và sử dụng chi phí nói chung và của từng nghiệp vụ kinh doanh trong doanh nghiệp.

#### **1.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh trong Doanh nghiệp**

##### **✚ Ảnh hưởng của năng suất lao động:**

Nếu năng suất lao động của doanh nghiệp tăng lên, doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được lao động sống, hay tiết kiệm được chi phí tiền lương. Đồng thời tăng năng suất lao động sẽ có điều kiện tăng được thu nhập cho cán bộ, công nhân viên, nhân viên, tuy nhiên chi phí về tiền lương sẽ phải có tốc độ tăng chậm hơn tốc độ tăng của năng suất lao động, như vậy mới hợp lý và tiết kiệm được chi phí.

##### **✚ Trình độ kỹ thuật, sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh**

Trong điều kiện kinh tế thị trường việc đổi mới TSCĐ, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong kinh doanh được đặt ra là vấn đề cấp bách bởi vì đổi mới sẽ tạo ra năng suất cao, chất lượng tốt, giá cả hạ và từ đó doanh nghiệp có thể cạnh tranh được trên thị trường. Những doanh nghiệp có trình độ trang thiết bị kỹ thuật hiện đại sẽ tiết kiệm được nhiên nguyên vật liệu, năng lượng, giảm chi phí tiền lương, từ đó hạ thấp được chi phí kinh doanh.

##### **✚ Ảnh hưởng của trình độ tổ chức, quản lý trong doanh nghiệp.**

Nhân tố này có vai trò trong toàn bộ quá trình kinh doanh và ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp. Nếu kết hợp các yếu tố của quá trình sản xuất - kinh doanh một cách hợp lý, doanh nghiệp sẽ phát triển được sản xuất - kinh doanh, tiết kiệm được chi phí hay nói cách khác, doanh nghiệp sẽ sử dụng có hiệu quả vật tư, lao động và tiền vốn doanh nghiệp bỏ ra.

Ngoài các nhân tố chủ quan trên còn có nhiều nhân tố tác động đến chi phí của doanh nghiệp, nhưng mang tính chất khách quan như: sự phát triển của xã hội, sự cạnh tranh trong thị trường kinh doanh, đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng loại doanh nghiệp, loại hình và quy mô sản xuất kinh doanh, công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, điều kiện tự nhiên, chính sách chế độ Nhà nước. ....

#### ***1.4.5. Biện pháp tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.***

➤ *Xây dựng các kế hoạch chi phí:*

Xây dựng các kế hoạch phải dựa trên cơ sở các định mức chi phí. Doanh nghiệp nên lập ra các kế hoạch chi phí cho cả một thời kỳ hoạt động kinh doanh của mình. Các kế hoạch này phải được xác định mức chi phí hợp lý, tùy theo từng loại chi phí mà xác định các mức chi tiêu cho từng bộ phận, từng nghiệp vụ kinh doanh, thường xuyên kiểm tra và chấp hành mọi định mức đó.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong đó có kế hoạch chi phí, các doanh nghiệp cần lập các dự toán chi phí hàng tháng. Dự toán này được lập từ các nghiệp vụ, các bộ phận kinh doanh trong khoảng thời gian ngắn. Do vậy doanh nghiệp có khả năng nắm bắt được tình hình chi tiêu một cách sát sao và cụ thể hơn so với kế hoạch quý hoặc năm, có thể khai thác khả năng tiềm tàng, tiết kiệm chi phí một cách tích cực và liên tục.

➤ *Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường:*

Thị trường là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới sự tồn tại và phát triển của bất cứ doanh nghiệp nào. Nó vừa là điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, nó vừa loại bỏ đào thải những doanh nghiệp làm ăn không có hiệu quả. Một doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển thì sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp phải được thị trường chấp nhận, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bán chạy và có lãi.

Để làm được điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải đầu tư thường xuyên cho việc nghiên cứu thị trường, phân tích những biến động của thị trường về giá cả, về cung cầu và những công nghệ mới để xem người tiêu dùng thích sản phẩm gì với những yêu cầu về chất lượng như thế nào, giá cả ra sao, hơn thế có thể nghiên cứu để tạo ra cũng như là kích thích nhu cầu mới đối với những sản phẩm dịch vụ mới của doanh nghiệp. Khả năng sẽ tiêu thụ là bao nhiêu... và



phải tiến hành nghiên cứu thị trường một cách thường xuyên liên tục. Muốn vậy mỗi doanh nghiệp phải tổ chức một bộ phận riêng chuyên môn nghiên cứu thị trường, nhằm phản ánh lại những sản phẩm của doanh nghiệp, để đưa ra thị trường những sản phẩm thích ứng với thị hiếu của người tiêu dùng hơn. Đây cũng là một trong nhiều phương pháp nâng cao lợi nhuận giảm chi phí cho doanh nghiệp

➤ *Tiết kiệm chi phí một cách hợp lý:*

Tổ chức lao động một cách khoa học và hợp lý vì đây là điều kiện quan trọng nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng và hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp

Áp dụng phương thức phục vụ thích hợp, cải thiện phương tiện và điều kiện làm việc, cho phép giảm lượng lao động dư thừa và giảm nhẹ hao phí sức lao động cho người lao động, giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp. Trên cơ sở đó là điều kiện cho việc giảm tổng quỹ lương vì thế vì thế sẽ làm tổng mức chi phí chung giảm xuống. Nhưng giảm tổng quỹ lương không có nghĩa là giảm tiền lương của cán bộ công nhân viên, mà phải làm cho tiền lương của cán bộ công nhân viên tăng lên nhưng tốc độ tăng này phải nhỏ hơn tốc độ tăng năng suất lao động mà họ đạt được.

◆ *Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định doanh nghiệp tiến hành một số biện pháp sau:*

- Bố trí lại một cách hợp lý cơ cấu tài sản cố định trong doanh nghiệp, thực hiện đầu tư theo chiều sâu trên cơ sở kiểm kê và phân loại TSCĐ theo từng loại, từng nguồn hình thành... nắm vững thực trạng của chúng và xác định khả năng sử dụng thích hợp với nhu cầu kinh doanh.

- Xây dựng đội ngũ lao động có tay nghề cao, có trình độ để có thể ứng dụng và vận hành các công nghệ hiện đại, các máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Đánh giá lại TSCĐ theo sự biến động của giá cả trên thị trường nhằm bảo toàn vốn cố định.

- Có các phương pháp tính toán khấu hao TSCĐ một cách hợp lý và đảm bảo các yêu cầu:

+ Nhằm tích lũy nhanh chóng toàn bộ vốn khấu hao để đổi mới hay tái sản xuất TSCĐ.

+ Đảm bảo chi phí về khấu hao TSCĐ trong giá trị sản phẩm hợp lý, tạo ra giá sản phẩm mà người tiêu dùng chấp nhận.

- Cần xử lý các tài sản thừa và tài sản hết thời hạn sử dụng để tránh tình trạng sử dụng vốn cố định không tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh.

◆ *Đối với tài sản lưu động doanh nghiệp cần phải tiên hành các biện pháp sau:*

- Xác định khối lượng và cơ cấu nguyên vật liệu hàng hoá dự trữ hợp lý.

- Xác định cơ cấu về vốn lưu động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ, đẩy mạnh bán ra và thu hồi vốn nhanh.

Tất cả biện pháp đó nhằm đẩy nhanh tốc độ chu chuyển vốn lưu động. Trong điều kiện quy mô sản xuất kinh doanh không thay đổi nếu tăng tốc độ chu chuyển vốn sẽ giảm bớt nhu cầu về vốn lưu động tức là tiết kiệm tuyệt đối lượng vốn cần thiết.

◆ Doanh nghiệp cần đặt các mối quan hệ lâu dài với các nhà cung ứng để đảm bảo việc cung cấp đều đặn, đảm bảo chất lượng... ngoài ra với nhà cung ứng thường xuyên doanh nghiệp còn được hưởng chiết khấu, giảm giá... Vì vậy các nhà quản lý phải quan tâm tới việc lựa chọn nhà cung ứng và việc xây dựng mối quan hệ hợp tác có lợi cho cả hai bên, làm được như vậy chắc chắn sẽ góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ**  
**XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ.**

**2.1 Khái quát về công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Cũng như các doanh nghiệp tư nhân khác Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ được quyền chủ động trong quan hệ tìm kiếm việc làm, khai thác vật tư, kiểm soát nguồn vốn và lao động cũng như ký hợp đồng kinh tế và mở tài khoản tại Ngân hàng.

**Một vài nét chung về Công ty CP Đầu tư Thương Mại và Xây dựng Minh Vũ**

*Tên công ty: Công ty CP Đầu tư Thương Mại và xây dựng Minh Vũ*

*Tên tiếng anh: Minh Vu construction and trading investment joint stock company*

*Tên giao dịch viết tắt: Minh Vu Cico,Jsc*

*Địa chỉ trụ sở chính: Số 4/46 Phố chợ đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân- HP*

*Điện thoại : 0313 624 888*

*Fax:0313 624 777*

*Mã số thuế: 0200818473*

*Tài khoản ngân hàng: 3211 0000 420 184. Tại NH: Đầu tư và Phát triển Hải Phòng*

***Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ được đổi tên từ công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hà Minh Châu thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0200818473. Do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/05/2008, đăng ký đổi lần 1 ngày 09/03/2011***

***- Vốn điều lệ của công ty là: 1.500.000.000 đồng***

***Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng***

## ***2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ***

### ***2.1.2.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh***

- ❖ Hình thức sở hữu vốn: Doanh nghiệp cổ phần
- ❖ Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng và thương mại
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:
  - Xây dựng nhà các loại
  - Chuẩn bị mặt bằng
  - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác ( Chi tiết: Lắp đặt nhôm Kính)
  - Lắp đặt hệ thống điện
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác( Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng)
  - Xây dựng công trình công ích( Chi tiết: Xây dựng công trình bưu chính viễn thông, thủy lợi)
  - Phá dỡ
  - Hoàn thiện công trình xây dựng
  - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng( Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, nhôm Kính)
  - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
  - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
  - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
  - Vận tải hàng hóa đường bộ
  - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

### *2.1.2.2 Những thuận lợi, khó khăn và những thành tích đã đạt được của Doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển*

**Thuận lợi:** Nền kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu của con người càng được nâng cao. Lĩnh vực xây dựng cũng ngày càng được mở rộng. Đó chính là một lợi thế cho Doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhà nước cũng đưa ra những điều luật mới tạo điều kiện cho các DN xây dựng; đồng thời sự linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp công ty từng bước hòa nhịp với nhịp điệu phát triển kinh tế chung của đất nước. Trong thi công đã mạnh dạn áp dụng nhiều máy móc, thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng công trình. Việc làm của công nhân viên đã được quan tâm đúng mức đã mang lại cho nhân viên niềm tin, sự hứng thú trong công việc giúp công ty hoạt động ổn định. Đội ngũ kế toán với chuyên môn cao, nhiệt tình có trách nhiệm trong công việc; kết hợp với sự dẫn dắt của giám đốc công ty đó chính là những thuận lợi lớn nhất của công ty.

**Khó khăn:** Bên cạnh đó công ty gặp không ít những khó khăn và thử thách. Thị trường thế giới luôn biến động, DN mới được thành lập chưa có nhiều kinh nghiệm trong thương trường. Việt Nam là một thành viên trong tổ chức WTO cũng là thách thức đối với doanh nghiệp.

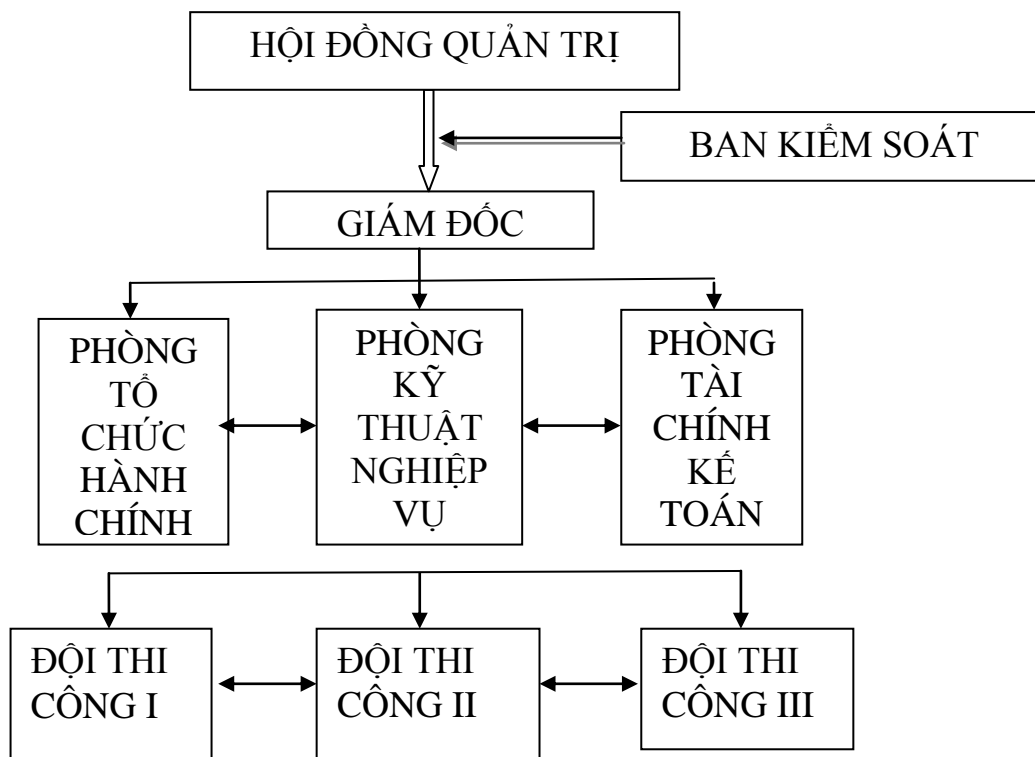
**Thành tích đạt được trong 3 năm gần đây:**

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ HỢP ĐỒNG	NĂM THỰC HIỆN	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN
1	Thi công xây lắp hạng mục công và nhà thường trực và tường rào nhà máy sản xuất 6000T/năm	Hải Dương	2010	953.799.418
2	Thi công xây lắp hạng mục xưởng sản xuất dây hàn và kho thành phẩm nhà máy sản xuất dây hàn 6000T/năm	Hải Dương	2010	7.607.965.347
3	Cải tạo CHXD số 92 Tràng Kênh – Xí nghiệp xăng dầu K131	Hải Phòng	2012	127.838.050
4	Công trình xây nhà bảo vệ + tiếp nhận lắp đặt dịch vụ - đài viễn thông Tiên Lãng	Hải Phòng	2012	58.946.174
5	Sửa chữa nhà kho, hệ thống CHXD số 72 – Thủy Sơn – Xí nghiệp xăng dầu K131	Hải Phòng	2012	50.815.091
6	Sửa chữa sân bãi CHXD số 71 – Lưu Kiếm – Xí nghiệp xăng dầu K131	Hải Phòng	2012	37.680.640
7	Sửa chữa đường vào công xí nghiệp – Xí nghiệp xăng dầu K131	Hải Phòng	2011	34.741.424
8	Sửa chữa công ra vào và tường rào bảo vệ Trung tâm Viễn thông 3	Hải Phòng	2011	77.344.749

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ HỢP ĐỒNG	NĂM THỰC HIỆN	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN
9	Sửa chữa khu nhà ăn ca xí nghiệp – Xí nghiệp xăng dầu K131	Hải Phòng	2011	90.394.586
10	Sửa chữa nhà xưởng, trực sản xuất, cứu hỏa – Xăng dầu k131	Hải Phòng	2011	71.945.779
11	Trồng cột bê tông thay thế cột điện lực khu vực đài Viễn thông An Lão	Hải Phòng	2012	148.494.241
12	Trần khu văn phòng – Xí nghiệp xăng dầu K131	Hải Phòng	2012	63.773.514
13	Sửa chữa đường vào kho xăng dầu – Xí nghiệp xăng dầu K131	Hải Phòng	2012	56.542.517
14	Xây nhà đặt msan xã Nam hưng – huyện Tiên Lãng	Hải Phòng	2012	80.435.933
15	Thi công 7 nhà trạm trung tâm viễn thông 3	Hải Phòng	2012	245.308.109
16	Thi công sửa đường từ TL 352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131	Hải Phòng	2012	632.058.920

### 2.1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

#### 2.1.3.1 Sơ đồ bộ máy quản lý



#### Sơ đồ : Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

**Ghi chú:**

- : Quan hệ quản lý chỉ đạo
- ↔ : Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

Các phòng ban có mối liên hệ mật thiết với nhau và đều chịu sự quản lý của Ban giám đốc. Tuy vậy mỗi phòng ban có chức năng, nhiệm vụ riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.



### 2.1.3.2 Chức năng của từng bộ phận.

#### **a. Hội đồng quản trị**

-Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng thực hiện chức năng quản lý và kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Giám đốc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

-Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

-Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác...

#### **b. Giám đốc:**

Là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại điều lệ của công ty, là người đứng đầu bộ máy của công ty, chịu trách nhiệm chỉ huy toàn bộ bộ máy quản lý của công ty, giao nhiệm vụ cho các trưởng phó phòng triển khai thực hiện các kế hoạch đề ra.

#### **c. Ban kiểm soát:**

-Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo đúng các qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lý Công ty;

- Mọi Thông báo, Báo cáo, Phiếu xin ý kiến đều phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc

- Thông tin phải trung thực, chính xác và kịp thời theo yêu cầu...vv...

**d. Phòng tổ chức hành chính:**

Tổ chức tuyển chọn nhân viên theo kế hoạch và chỉ tiêu được giao, giải quyết chính sách, chế độ, quyền lợi cho nhân viên, quản lý hồ sơ, tổ chức hội họp tiếp khách.

**e. Phòng kỹ thuật nghiệp vụ:**

- + Chịu trách nhiệm bảo hành, tư vấn cho khách hàng
- + Đảm bảo tính pháp lý với các thiết bị, phương tiện
- + Đảm bảo công tác an toàn lao động, an toàn trong việc thi công các công trình xây dựng

**f. Phòng tài chính kế toán:**

*\* Nhiệm vụ của phòng kế toán*

+ Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê và các văn bản quy phạm khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của Công ty.

+ Trưởng phòng tài chính kế toán phải tổ chức bộ máy chuyên môn nghiệp vụ có đủ năng lực đáp ứng đủ nhu cầu quản lý tài chính và yêu cầu cung cấp thông tin nhanh của Giám đốc công ty mọi lúc mọi nơi.

+ Quản lý các nguồn tài chính của công ty, tổ chức huy động vốn và sử dụng vốn vào phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty trên cơ sở phương án kinh doanh có hiệu quả kinh tế.

+ Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của công ty phù hợp với mô hình sản xuất của công ty với bộ máy linh hoạt và gọn nhẹ.

+ Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh chính xác, trung thực kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản. Tính toán và trích nộp đúng đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả cổ tức...

+ Lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, tờ khai thuế GTGT, báo cáo quyết toán của công ty và cung cấp thông tin theo chế độ quy định.

+ Tổ chức phân tích công tác kế toán trong công ty một cách thường xuyên nhằm đánh giá đúng đắn tình hình, kết quả hoạt động sản xuất của công ty.

*\*Nội dung hoạt động của phòng tài chính kế toán*

+ Kế toán trưởng công ty chịu trách nhiệm trực tiếp với giám đốc về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp các nhân viên thuộc trong phòng kế toán của công ty.

+ Phòng kế toán tài chính của công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc, do đó mọi hoạt động liên quan đến việc thanh toán chi trả đều phải có ý kiến của giám đốc hoặc ý kiến của người được giám đốc uỷ quyền khi đi vắng, và phải hội đủ chữ kí của kế toán trưởng, kế toán thanh toán và thủ quỹ mới thực hiện, lúc đó chứng từ mới có giá trị pháp lý.

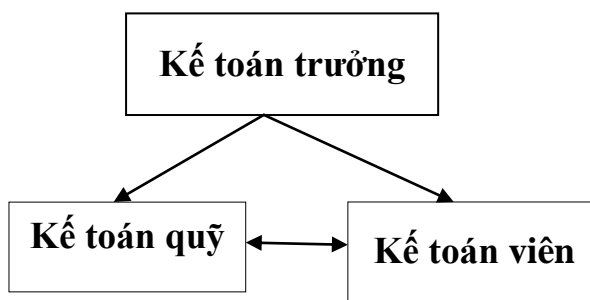
#### ***h. Đội thi công I,II,III:***

- Đội thi công được tổ chức bộ máy phù hợp với yêu cầu sản xuất theo nguyên tắc gọn nhẹ và hiệu quả

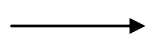
- Đội ngũ thi công theo phương thức: khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc....

#### **2.1.4 Cơ cấu bộ máy của phòng tài chính kế toán**

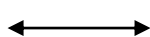
##### **2.1.4.1 Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty**



#### **Ghi chú:**



: Quan hệ quản lý chỉ đạo



: Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

Người chịu trách nhiệm cao nhất trong Bộ máy kế toán của công ty là Kế toán trưởng. Kế toán trưởng sẽ có trách nhiệm thu thập tổng hợp các báo cáo của các kế toán bộ phận từ các nhân viên kế toán.

Trong đó các nhân viên kế toán có quan hệ mật thiết song song tương trợ giúp đỡ nhau trong các phần hành kế toán, có trách nhiệm thông báo, gửi các chứng từ, báo cáo có liên quan đến các kế toán bộ phận khác trong bộ máy.

#### 2.1.4.2 Chức năng nhiệm vụ của từng người

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty, cấp trên và Nhà nước về thông tin kế toán cung cấp, tổ chức điều hành công tác kế toán của Công ty, đôn đốc, giám sát, hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra các công việc do các nhân viên kế toán thực hiện, đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh.

- **Kế toán quỹ:** Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu chi đối với các chứng từ đã được phê duyệt.

- **Kế toán viên:** là người chịu trách nhiệm về các phần hành kế toán tại công ty như : kế toán vốn bằng tiền, công nợ và thanh toán lương và các khoản trích theo lương. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh liên quan tới tiền, thanh toán công nợ với người mua, người bán, lương phải trả công nhân viên, trích các khoản BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN được kế toán viên tổng hợp vào sổ sách và báo cáo lên kế toán tổng hợp.

Ngoài ra: Kế toán viên còn chịu trách nhiệm về các nghiệp vụ phát sinh liên quan tới hạn tồn kho và tài sản cố định của công ty, hàng ngày kế toán này có trách nhiệm theo dõi những nghiệp vụ phát sinh liên quan tới hàng tồn kho của Doanh nghiệp ( bao gồm hàng hóa, CCDC,...) và những nghiệp vụ liên quan đến việc tăng giảm Tài sản cố định

### *2.1.4.3 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ*

- Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006.

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận giá trị hàng nhập kho xuất kho theo giá thực nhập không tính thuế giá trị gia tăng.

+ Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: theo phương pháp Nhập trước– Xuất trước

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo pp kê khai thường xuyên

+ Phương pháp khấu hao tài sản cố định : Khấu hao đều theo thời gian.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến biến động ngoại tệ đều được quy đổi ghi sổ bằng tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm nghiệp vụ phát sinh.

### *2.1.4.4 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ*

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ để ghi sổ kế toán. Hệ thống biểu mẫu chứng từ kế toán tại công ty được áp dụng theo chế độ kế toán bao gồm 8 phần hành :

+ Kế toán vốn bằng tiền

+ Kế toán tài sản cố định

+ Kế toán hàng tồn kho

+ Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

+ Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành

+ Kế toán tiêu thụ, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh

- + Kế toán các loại nguồn vốn
- + Lập và phân tích báo cáo tài chính

**\* Trình tự luân chuyển chứng từ như sau:**

**Bước 1:** Lập hoặc tiếp nhận chứng từ.

Khi lập chứng từ cần lập đầy đủ số liên quy định, việc ghi chép chứng từ phải rõ ràng, trung thực đầy đủ các yếu tố gạch bỏ phần trống và không được tẩy xoá, sửa chữa tên chứng từ. Trường hợp viết sai cần huỷ bỏ, không được xé rời chứng từ khỏi cuống

**Bước 2:** Kiểm tra chứng từ:

Kiểm tra chứng từ là việc xem xét tính hợp lệ, hợp lý của chứng từ và cả tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ, đồng thời kiểm tra, xét duyệt với từng loại, nghiệp vụ kinh tế.

**Bước 3:** Sử dụng ghi sổ kế toán:

Căn cứ vào nội dung mà chứng từ phản ánh, kế toán tiến hành phân loại chứng từ theo từng loại nghiệp vụ, theo tính chất các khoản chi phí hoặc đặc điểm phát sinh ... rồi định khoản ghi vào sổ tài khoản kế toán liên quan.

**Bước 4:** Lưu trữ và huỷ chứng từ:

Chứng từ kế toán vừa là căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán vừa là tài liệu lịch sử kế toán của đơn vị. Bởi vậy sau khi ghi sổ và kết thúc, định kỳ kế toán chứng từ được lưu chuyển vào khâu lưu trữ, bảo đảm an toàn, khi hết thời hạn lưu trữ chứng từ đem huỷ.

*2.1.4.5 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản và hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ*

Công ty vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Hệ thống tài khoản kế toán công ty áp dụng từ loại 1 đến loại 9 để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### 2.1.4.6 Tổ chức vận dụng chế độ sổ kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm. Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp

- Sổ kế toán tổng hợp, gồm: Sổ đăng ký CTGS, Sổ cái.

##### ➤ **Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ:**

Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng các tài khoản của các nghiệp vụ đó. Số liệu kế toán trên sổ Nhật ký phản ánh tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có của tất cả các tài khoản kế toán sử dụng ở doanh nghiệp. Sổ Nhật ký phản ánh các nội dung:

- Ngày, tháng ghi sổ;
- Số hiệu và ngày, tháng của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ;
- Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

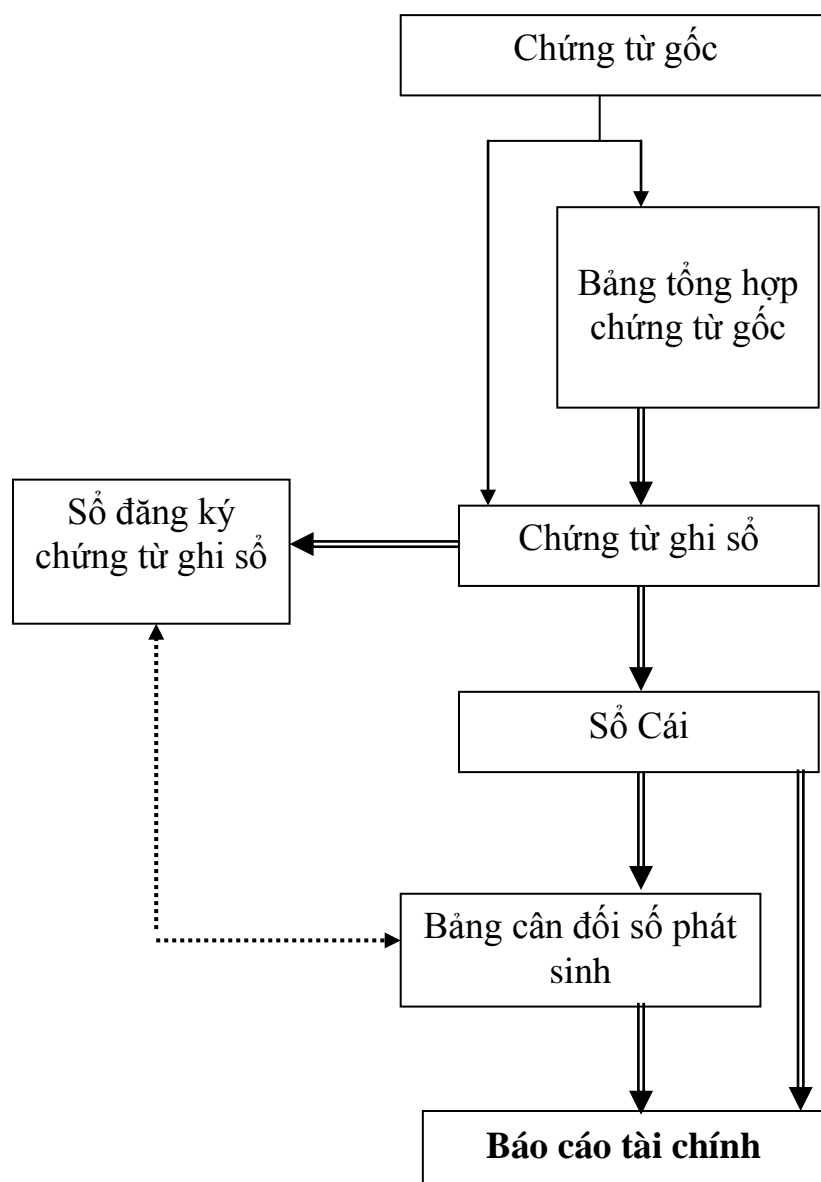
##### ➤ **Sổ cái :**

Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ và trong một niên độ kế toán theo các tài khoản kế toán áp dụng ở doanh nghiệp.

Sổ cái phản ánh các nội dung sau:

- Ngày, tháng ghi sổ;
- Số hiệu và ngày, tháng của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ
- Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh
- Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh ghi vào bên Nợ hoặc bên Có của tài khoản.

2.1.5 Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->



## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ**

*a. Phương thức bán hàng tại Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.*

#### ***Xây dựng:***

Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua sẽ ký kết hợp đồng xây dựng với công ty. Công ty căn cứ vào hợp đồng kinh tế để tiến hành cung ứng kịp thời.

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt và TGNH:

+ Đối với hình thức thanh toán bằng tiền mặt : khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT, khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán tiến hành viết phiếu thu.

+ Đối với phương thức thanh toán bằng chuyển khoản, kế toán viết hóa đơn GTGT, ghi nhận doanh thu. Khi nhận được hóa đơn GTGT, khách hàng sẽ tiến hành chuyển tiền qua ngân hàng, công ty sẽ nhận được chứng từ giao dịch từ ngân hàng về số tiền đã thanh toán của khách hàng.

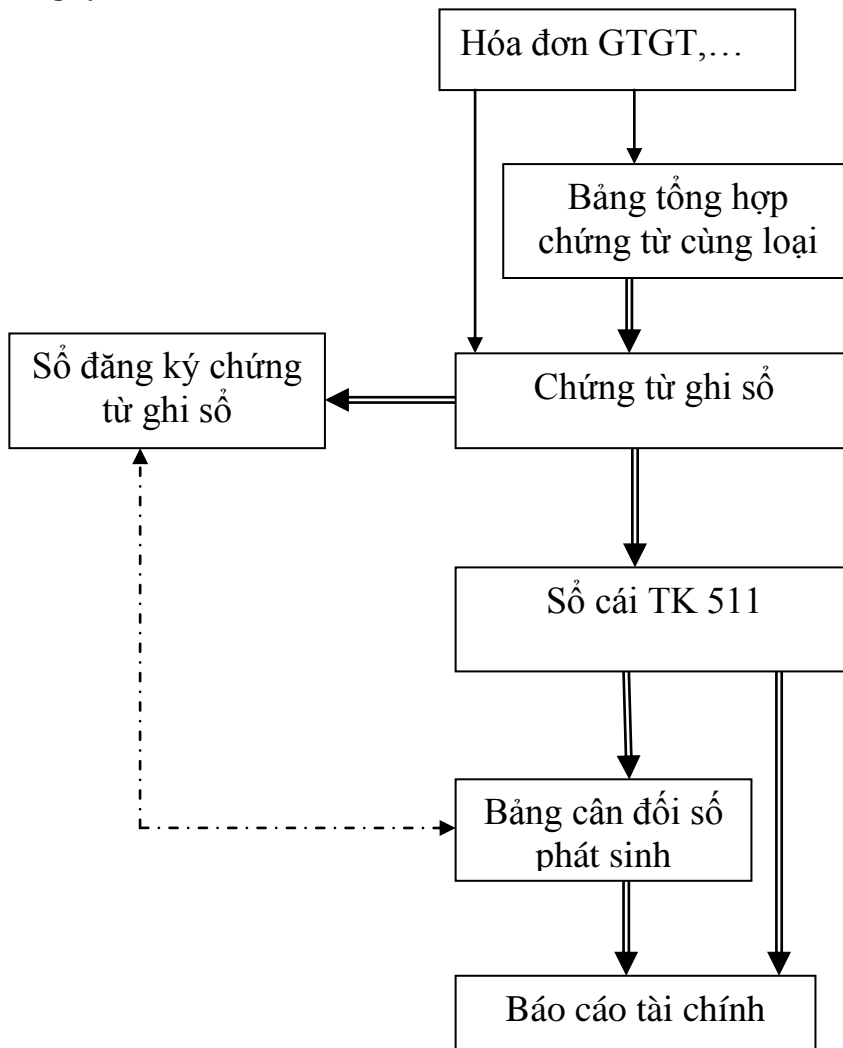
#### **➤ *Chứng từ sử dụng***

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01- GTKT3/001)
- Phiếu thu , Phiếu xuất kho
- Các chứng từ giao dịch của ngân hàng và các chứng từ có liên quan khác.

#### **➤ *Tài khoản sử dụng***

Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và các tài khoản liên quan

➤ **Quy trình hạch toán:**



**Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày             $\longrightarrow$
- Ghi cuối kỳ              $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra     $\longleftrightarrow$

Căn cứ vào chứng từ gốc như phiếu hóa đơn GTGT, phiếu kế toán,...kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại.

Sau đó căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ, từ Chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản như TK511,131,...

Cuối quý cộng số liệu trên sổ Cái các TK, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập báo cáo Tài chính.

### **Ví dụ 2.1**

Ngày 26/12/12 Công ty bàn giao công trình cải tạo cửa hàng Xăng dầu số 92 Trảng Kênh cho Xí nghiệp xăng dầu K131( công trình này khởi công từ ngày 2/12/12) với số tiền 127.838.050 (bao gồm thuế VAT 10%). Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

### **Ví dụ 2.2:**

Ngày 28/12/12, Công ty bàn giao hạng mục công trình sửa đường từ Tỉnh Lộ 352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131 cho công ty đường bộ HP ( công trình này khởi công từ ngày 20/11/12) với số tiền 632.058.920 ( bao gồm thuế VAT 10%). Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

**Biểu 2.1.1:****HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 26 tháng 12 năm 2012

**Mẫu số: 01GTKT3/001**

Ký hiệu: AA/11P

Số: 0003853

Đơn vị bán hàng:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ: .....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....

<b>CTY C.P ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ</b> Số 4/46 phố chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân – HP MST: 0200818473
--

Người mua hàng: Xí nghiệp xăng dầu K131

Mã số thuế: 0200155339

Địa chỉ: Phố mới - Xã Kỳ Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Tên NVL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Cải tạo cửa hàng xăng dầu số92				116.207.318
Cộng tiền hàng:				116.207.318
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		11.620.732
Tổng cộng tiền thanh toán:				127.838.050
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm ba mươi tám ngàn năm mươi đồng chẵn				

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.1.2:****HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Mẫu số: 01GTKT3/001**

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

Số: 0003859

Đơn vị bán hàng:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ: .....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....

<b>CTY C.P ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ</b> Số 4/46 phố chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân – HP MST: 0200818473
--

Người mua hàng: Công ty đường bộ Hải Phòng

Mã số thuế: 0201286091

Địa chỉ: 77 Nguyễn Đức Cảnh, Phường An Biên, Quận Lê Chân - HP

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Tên NVL	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Thi công sửa đường từ TL 352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131				574.599.018
<b>Cộng tiền hàng:</b>				<b>574.599.018</b>
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		57.459.902
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>				<b>632.058.920</b>
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu năm mươi tám ngàn chín trăm hai mươi đồng chẵn				

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.1.3**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI  
VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên tài khoản :Phải thu khách hàng

Số hiệu TK : 131( ghi Nợ TK 131)

Từ ngày : 01/10/2012 Đến ngày : 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi có các TK	
S.hiệu	Ngày			3331	511
...	....	....	....	....	....
HD3852	25/12	Nâng cấp vỉa hè khu trung tâm huyện K.Thụy	226.200.000	20.563.636	205.636.364
HD3853	26/12	Cải tạo cửa hàng Xăng đầu số 92 Tràng Kênh	127.838.050	11.620.732	116.207.318
HD3854	27/12	Trồng cột bê tông thay thế cột điện lực khu vực đài Viễn thông An Lão	148.494.241	13.499.477	134.994.764
....	....	....	....	....	....
HD3859	28/12	Sửa đường từ TL 352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131	632.058.920	57.459.902	574.599.018
.....	....	....	....	....	....
		<b>Tổng cộng</b>	<b>3.530.411.007</b>	<b>275.491.910</b>	<b>2.754.919.097</b>

**Người lập**

(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, ghi họ tên )

**Biểu 2.1.4:**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
 Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
 Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
 Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02a – DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số:35/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	131	511	2.754.919.097	
Thuế GTGT đầu ra	131	3331	275.491.910	
<b>Cộng</b>	x	x	<b>3.530.411.007</b>	

Kèm theo: ...chứng từ gốc

Lập, ngày ... tháng ... năm ....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.1.5**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
 Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
 Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
 Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02b – DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ***Năm 2012*

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
32/12	31/12	1.703.452.289
33/12	31/12	2.533.025.863
34/12	31/12	2.191.616.216
35/12	31/12	3.530.411.007
....	...	...
45/12	31/12	255.693.153
46/12	31/12	27.259.198
47/12	31/12	10.124.810
48/12	31/12	4.603.578.161
49/12	31/12	4.279.897.454
50/12	31/12	4.603.578.161
<b>Cộng quý 4</b>		<b>38.528.904.619</b>

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang...  
 Ngày mở sổ...

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**Giám đốc**  
 (Ký họ tên, đóng dấu)



**Biểu 2.1.6:**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số phát sinh:			
31/12	31/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng tiền mặt	111		509.793.251
31/12	33/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng tiền gửi NH	112		1.337.139.234
31/12	35/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khách hàng chưa trả tiền	131		2.754.919.097
31/12	48/12	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4/2012	911	4.601.851.582	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.601.851.582</b>	<b>4.601.851.582</b>
			<b>SDCK</b>			

**Biểu 2.1.7****SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản 131- Đối tượng: Xí nghiệp xăng dầu K131

Từ ngày : 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
		<b><i>SĐĐK</i></b>				<b><i>150.586.950</i></b>	
...	...	.....	....	....	.....		
15/12	GBC136C	Xí nghiệp K131 thanh toán bằng CK	1121		245.000.000		
25/12	HD3851	Cải tạo rác thải sinh hoạt- Xí nghiệp xăng dầu K131	511	29.523.646			
		Thuế GTGT tương ứng	3331	1.476.812			
26/12	HD3853	Cải tạo cửa hàng Xăng dầu số 92 Tràng Kênh	511	116.207.318			
		Thuế GTGT tương ứng	3331	11.620.732			
...	....	....	...	...	....		
		<b><i>Cộng phát sinh</i></b>		<b><i>427.044.398</i></b>	<b><i>245.000.000</i></b>	<b><i>x</i></b>	<b><i>x</i></b>
		<b><i>SDCK</i></b>				<b><i>332.631.348</i></b>	

**Người lập**

(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, ghi họ tên)

**Biểu 2.1.8**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu TK: 131

Từ ngày 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Xí nghiệp xăng dầu K131	150.586.950		427.044.398	245.000.000	332.631.348	
2	Huyện Kiến Thụy	-		780.950.768	471.310.000	309.640.768	
3	Công ty Đường bộ Hải Phòng	120.819.064		632.058.920	650.000.000	102.976.984	
4	Đài viễn thông Tiên Lãng	125.456.965		207.4404.415	267.170.000	65.727.380	
5	Trung tâm Viễn thông 3	43.192.910		322.652.858	350.000.000	15.845.768	
	...						
	<b>Cộng</b>	<b>1.542.635.000</b>		<b>3.530.411.007</b>	<b>3.334.524.000</b>	<b>1.738.512.007</b>	

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập**

(ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, ghi họ tên)

### **2.2.2. Thực trạng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

Hiện tại công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu

### **2.2.3 Thực trạng kế toán giá vốn hàng bán:**

#### **a. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty**

Đối với công trình xây dựng, cùng với việc ghi nhận doanh thu, kế toán xác định giá vốn hàng bán căn cứ vào mức độ hoàn thành công trình:

Nợ TK 632

Có TK154

Sau đó kế toán tiến hành lập phiếu kế toán.

Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ các chi phí để xây dựng lên công trình đó, bao gồm: Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình hoàn thành.

#### **b. Chứng từ ghi sổ:**

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu xuất kho

- Phiếu kế toán

#### **c. Tài khoản sử dụng**

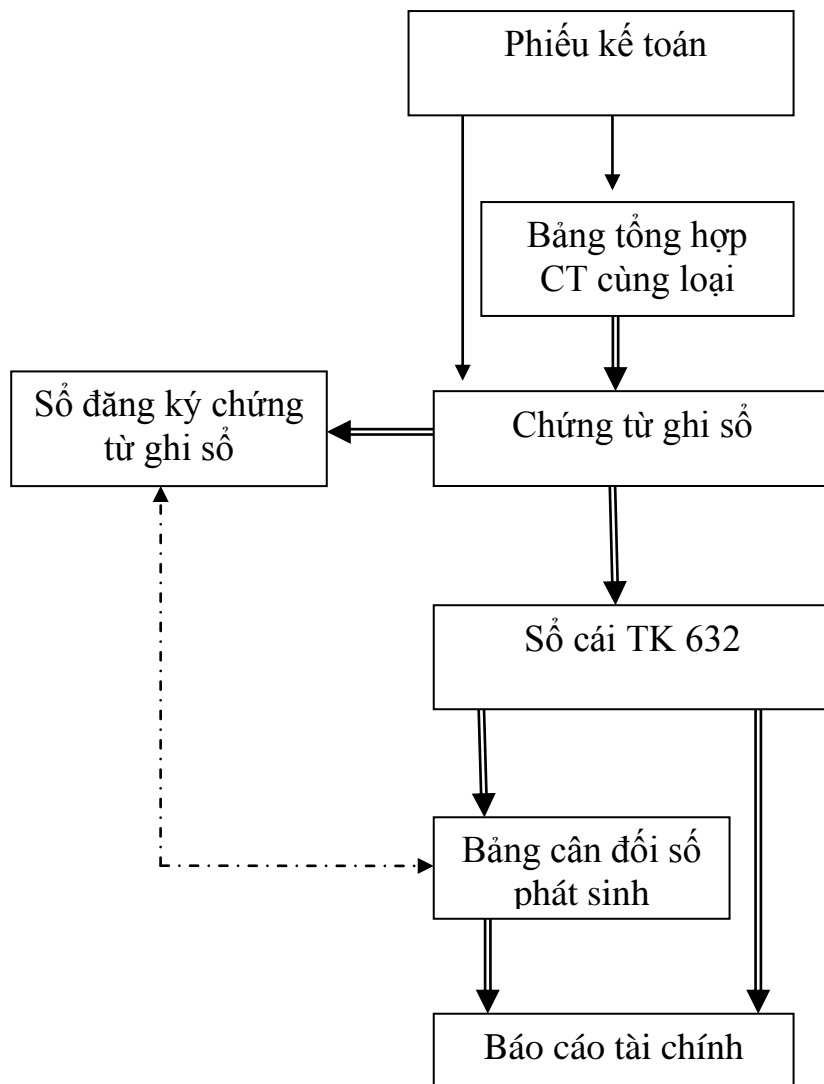
Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

#### **d. Quy trình hạch toán:**

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại

Sau đó căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và các Sổ cái có liên quan như TK 632, TK 331....

Cuối quý cộng số liệu trên sổ Cái các TK, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập báo cáo Tài chính.



**Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ**

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày             $\longrightarrow$
- Ghi cuối kỳ               $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra     $\longleftrightarrow$

**Ví dụ 3:**

Từ ví dụ 2 kế toán ghi nhận doanh thu công trình thi công sửa đường từ TL 352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131, đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn công trình. Kế toán ghi phiếu kế toán số 32 ( Biểu 2.3.1)

→ Từ phiếu kế toán, kế toán ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại ( Biểu 2.3.2) và Chứng từ ghi sổ ( Biểu số 2.3.3) , sổ đăng ký chứng từ ghi sổ ( Biểu 2.3.4). Sau đó kế toán căn cứ vào số liệu đã ghi trên Chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 632 (Biểu 2.3.5).

**Biểu 2.3.1:**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số 04 – TT**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 32

Ngày 28 tháng 12 năm 2012

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
01	Giá vốn công trình thi công sửa đường từ TL 352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131	632	154	568.155.046
	<b>Cộng</b>			<b>568.155.046</b>

Kèm theo:01 chứng từ gốc

**Người lập phiếu**  
( Ký,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký,họ tên)

**Biểu 2.3.2**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG  
MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên tài khoản- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu TK : 154( ghi Có TK 154)

Từ ngày : 01/10/2012 Đến ngày : 31/12/2012

<b>Chứng từ</b>		<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi nợ TK 632</b>
<b>S.hiệu</b>	<b>Ngày</b>			
...	....	....	....	.....
PKT27	25/12	Nâng cấp vỉa hè khu trung tâm huyện K.Thụy	201.523.636	201.523.636
PKT29	26/12	Cải tạo cửa hàng Xăng dầu số 92 Trảng Kênh	98.967.005	98.967.005
....	....	....	.....	....
PKT32	28/12	Sửa đường từ TL 352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131	568.155.046	568.155.046
.....	....	....	....	....
		<b>Tổng cộng</b>	<b>4.279.897.454</b>	<b>4.279.897.454</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**Giám đốc**  
(Ký họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.3.3:**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02a – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số:49/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	Nợ	Có		
Xác định giá vốn hàng bán	632	154	4.279.897.454	
<b>Cộng</b>	x	x	<b>4.279.897.454</b>	

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Lập, ngày ... tháng ... năm ....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



**Biểu 2.3.4**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02b – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
*Năm 2012*

<b>Chứng từ ghi sổ</b>		<b>Số tiền</b>
<b>Số hiệu</b>	<b>Ngày tháng</b>	
...	...	...
31/12	31/12	1.877.892.505
32/12	31/12	1.703.452.289
33/12	31/12	2.533.025.863
34/12	31/12	2.191.616.216
35/12	31/12	3.530.411.007
....	...	...
45/12	31/12	255.693.153
46/12	31/12	27.259.198
47/12	31/12	10.124.810
48/12	31/12	4.603.578.161
49/12	31/12	4.279.897.454
50/12	31/12	4.603.578.161
<b>Cộng quý 4</b>		<b>38.528.904.619</b>

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang...

Ngày mở sổ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**Giám đốc**  
(Ký họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.3.5:**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 632: Giá vốn hàng bán  
Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
49/12	31/12	Chi phí sản xuất KD	154	4.279.897.454	
50/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		4.279.897.454
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.279.897.454</b>	<b>4.279.897.454</b>
		<b>SDCK</b>			

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### **2.2.4: Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.**

- Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu của công ty là do phát sinh các khoản lãi nhận từ ngân hàng.

- Chi phí tài chính: tại công ty không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính. Hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí liên quan đến việc trả lãi vay ngân hàng.

#### **Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

- ➔ Chứng từ sử dụng: - Giấy báo lãi của ngân hàng
  - Giấy báo trả tiền lãi vay
  - Phiếu thu

- ➔ Tài khoản sử dụng : - Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
  - Tài khoản 635 : Chi phí tài chính

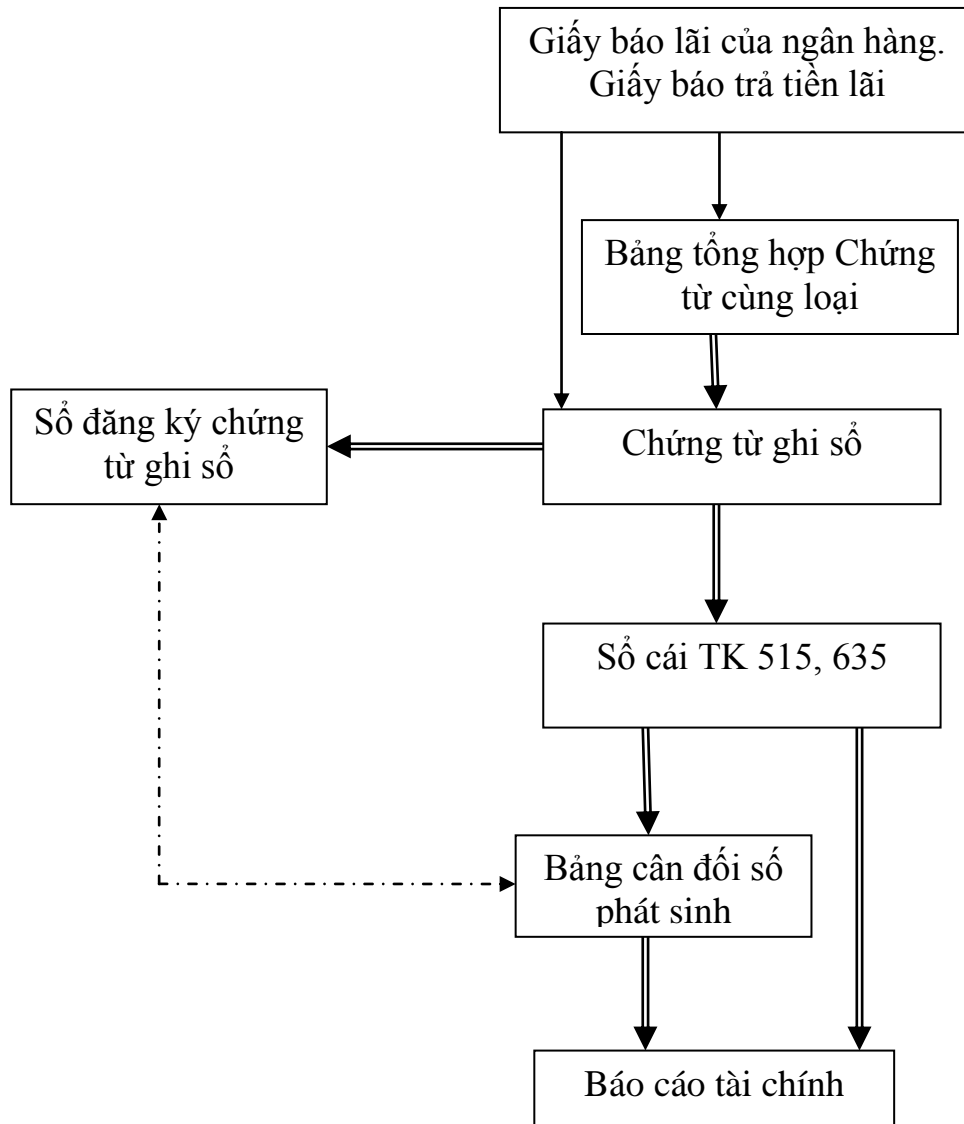
Cuối quý, kế toán kết chuyển sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

#### **Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính:**

Căn cứ vào chứng từ gốc như giấy báo lãi của ngân hàng, giấy báo trả lãi vay..., kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại.

Sau đó căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ, từ Chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản như 515, 635, 112...

Cuối quý cộng số liệu trên Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 2.4 : Quy trình hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ ⇒

Đối chiếu, kiểm tra ↔

**VDI:** Ngày 25/12 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN trả lãi tiền gửi, số tiền: 146.626 đồng.

-> Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN ( Biểu 2.4.1), kèm theo sổ phụ ( Biểu 2.4.2 ), kế toán tiến hành vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại ( Biểu 2.4.3), chứng từ ghi sổ ( Biểu 2.4.4), Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ ( Biểu 2.4.5). Đồng thời kế toán tiến hành vào sổ chi tiết TK515 (Biểu 2.4.7). Sau đó căn cứ trên CT-GS kế toán vào sổ cái TK 515( Biểu 2.4.6). Cuối tháng cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối SPS. Cuối năm, lập báo cáo Tài chính.

### ***Biểu 2.4.1***

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

**GIẤY BÁO CÓ**

Mã GD:

Ngày: 25/12/2012

Mã KH: 10366

Số GD : 147C

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0200820924

Số tiền bằng số: 146.626

Số tiền bằng chữ: *Một trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi sáu đồng chẵn*

Nội dung: ##Lãi nhập gốc##

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu 2.4.2:****NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN VIỆT NAM****SỔ PHỤ**  
(Ngày 25/12/2012)

Số chi tiết tài khoản

Số tài khoản: 200820924

Statement of Account For

A/C No.

CÔNG TY CPTM ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN MINH VŨ

Loại TK/Loại tiền: 692 VND

Type/Ccy

Số CT Seq.No	Ngày GD	Ngày H.Lực Effec Date	Loại GD Tran	Số Séc/ref Cheque No./Ref	PS Nợ Withdrawal	PS Có Deposit	Nội dung Remarks
1732651	25/12/2012	25/12/2012	IR	00000225586	0.00	146.626	Lãi tiền gửi

Số dư đầu ngày 25/12/2012 : 341.263.021

Opening Balance as of

Doanh số giao dịch :

0.00

146.626

Transaction Summary

Số dư cuối ngày 25/12/2012: 341.409.647

Ending Balance as of

**Biểu 2.4.3****CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI  
VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ****BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên tài khoản- Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu TK : 112( ghi Nợ TK 112)

Từ ngày : 01/10/2012 Đến ngày : 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi Có các TK		
S.hiệu	Ngày			....	131	515
GBC136C	15/12	Khách hàng thanh toán	245.000.000		245.000.000	
GBC147C	25/12	Ngân hàng VIB trả lãi tiền gửi	146.626			146.626
GBC148C	26/12	Huyện KT thanh toán bằng CK	471.310.000		471.310.000	
.....	....	....	....			
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.533.025.863</b>	<b>...</b>	<b>1.353.856.000</b>	<b>1.726.579</b>

**Biểu 2.4.4**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02a – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số:33/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....	....	.....	.....	....
Phải thu khách hàng	112	131	1.353.856.000	
Thu hồi các khoản ký cược, ký quỹ bằng TGNH	112	144	196.000.000	
Tiền lãi từ ngân hàng	112	515	1.726.579	
.....	...	.....	.....	....
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>2.533.025.863</b>	

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Lập, ngày ... tháng ... năm ....

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.4.5**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02b – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ***Năm 2012*

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
31/12	31/12	1.877.892.505
32/12	31/12	1.703.452.289
33/12	31/12	2.533.025.863
34/12	31/12	2.191.616.216
35/12	31/12	3.530.411.007
....	...	...
45/12	31/12	255.693.153
46/12	31/12	27.259.198
47/12	31/12	10.124.810
48/12	31/12	4.603.578.161
49/12	31/12	4.279.897.454
50/12	31/12	4.603.578.161
<b>Cộng quý 4</b>		<b>38.528.904.619</b>

Số này có ... trang, đánh số từ trang...

Ngày mở sổ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**Giám đốc**  
(Ký họ tên, đóng dấu)



**Biểu 2.4.6**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		<i>Số phát sinh</i>			
33/12	31/12	Thu tiền lãi ngân hàng	112	1.726.579	
48/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			1.726.579
		<i>Cộng phát sinh</i>		<i>1.726.579</i>	<i>1.726.579</i>
		<i>SDCK</i>			

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**VD2** : Ngày 31/12/2012, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam gửi giấy báo trả tiền lãi vay. Số tiền là: 1.544.333 đồng.

-> Kế toán căn cứ vào Giấy báo nợ của ngân hàng (Biểu số 2.4.1.1) để phản ánh nghiệp vụ phát sinh này vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.4.2.1). Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.4.3.1). Từ CT-GS, kế toán ghi ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.4.4.1) đồng thời vào Sổ cái tài khoản TK 635 (Biểu số 2.4.5.1). Cuối tháng cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối SPS. Cuối năm, lập báo cáo Tài chính.

### **Biểu 2.4.1.1**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 31/12/2012

Mã GD:

Mã KH: 10366

Số GD : 147C

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0200820924

Số tiền bằng số: 1.544.333

Số tiền bằng chữ: *Một triệu năm trăm bốn mươi tư ngàn ba trăm ba mươi ba đồng chẵn.*

Nội dung: ##Lãi tiền vay##

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Biểu 2.4.2.1**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI  
VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên tài khoản- Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu TK : 112( ghi Có TK 112)

Từ ngày : 01/10/2012 Đến ngày : 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các TK			
S.hiệu	Ngày			....	331	156	635
....	....	....	.....	....	....	....	
GBN82B	5/12	Mua NVL Công ty TNHH vật liệu và xây dựng	125.568.244			125.568.244	
GBN88B	6/12	Mua VNL Công ty TNHH Kim Dương	36.900.000			36.900.000	
GBN112B	10/12	Trả tiền hàng Công ty TNHH vật liệu và xây dựng	100.000.000		100.000.000		
GBN119B	20/12	Trả tiền xăng cho cty Petrolimex	124.560.000		124.560.600		
....	....	.....	.....	....	.....	....	
GBN147C	31/12	Trả lãi ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.544.333			1.544.333	
.....	....	....	....		....		
		<b>Tổng cộng</b>	<b>2.191.616.216</b>	<b>.....</b>	<b>587.368.310</b>	<b>869.940.000</b>	<b>3.271.549</b>

**Biểu 2.4.3.1**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02a – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số:34/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	Nợ	Có		
.....				
Trả người bán	331	112	587.368.310	
Chi mua hàng	152	112	869.940.000	
Thuế GTGT tương ứng	133	112	86.994.000	
Trả lãi ngân hàng	635	112	3.271.549	
.....				
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>2.191.616.216</b>	

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Lập, ngày ... tháng ... năm .....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.4.4.1**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02b – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
*Năm 2012*

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
31/12	31/12	1.877.892.505
32/12	31/12	1.703.452.289
33/12	31/12	2.533.025.863
34/12	31/12	2.191.616.216
35/12	31/12	3.530.411.007
....	...	...
45/12	31/12	255.693.153
46/12	31/12	27.259.198
47/12	31/12	27.259.198
48/12	31/12	4.938.330.370
49/12	31/12	4.279.897.454
50/12	31/12	4.938.330.370
<b>Cộng quý 4</b>		<b>38.528.904.619</b>

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang...

Ngày mở sổ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**Giám đốc**  
(Ký họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.4.5.1**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b><i>Số phát sinh</i></b>			
31/12	34/12	31/12	Trả lãi ngân hàng	112	3.271.549	
31/12	50/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		3.271.549
			<b><i>Cộng phát sinh</i></b>		<b>3.271.549</b>	<b>3.271.549</b>
			<b><i>SDCK</i></b>			

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### ***2.2.5: Thực trạng công tác kế toán chi phí Quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.***

#### ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ của ngân hàng...

#### ***Tài khoản sử dụng:***

Tài khoản 642 – Chi phái quản lý doanh nghiệp

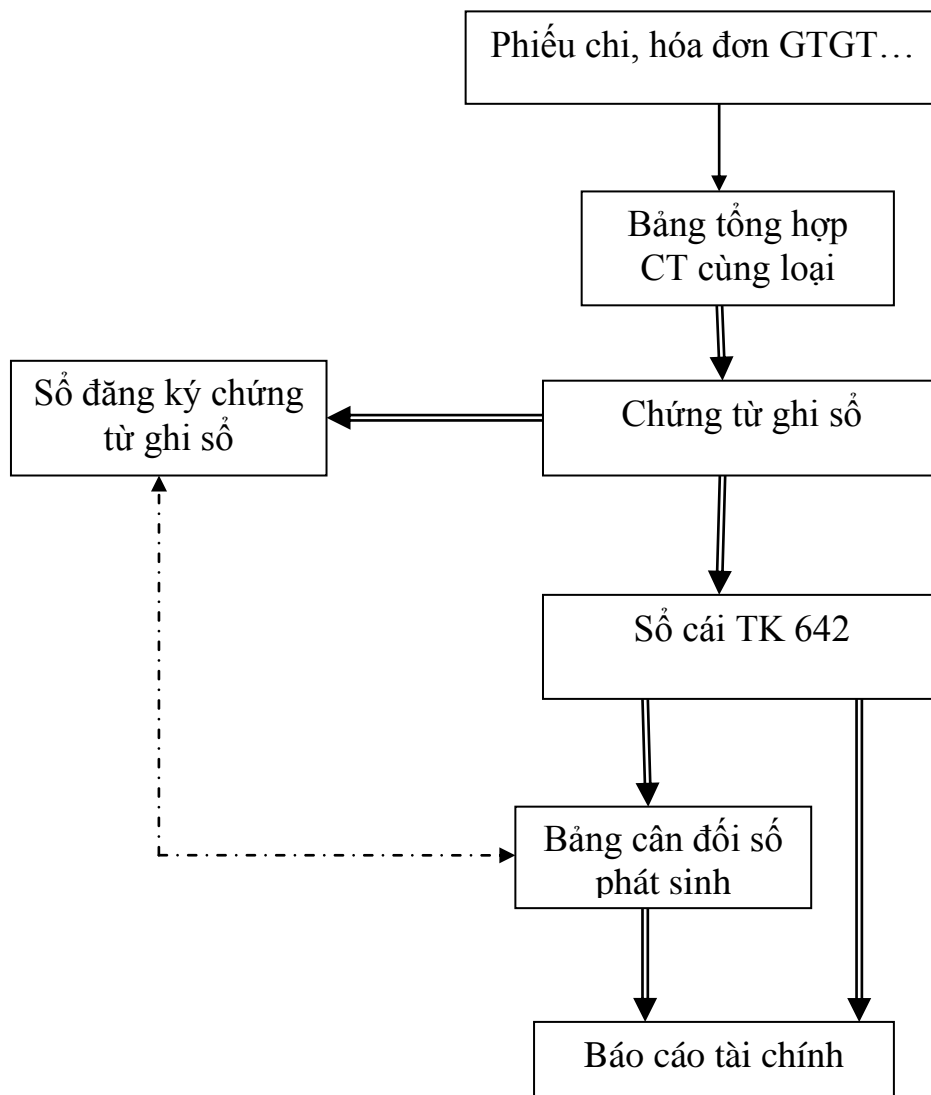
- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp
- Chi phí này bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuê phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

#### ***Trình tự hạch toán:***

Căn cứ từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi,...kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại.

Sau đó căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK 642

Cuối quý cộng số liệu trên Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập Báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đầu tư Xây dựng Minh Vũ**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

**VD:** Ngày 19/12/2012, thanh toán tiền điện công ty điện lực Hải Phòng với số tiền là 1.076.625, đã bao gồm thuế GTGT 10%.



**EVN NPC**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC**  
**MIỀN BẮC**

**HÓA ĐƠN GTGT ( TIỀN ĐIỆN)**  
*( Liên 2: Giao khách hàng)*

Mẫu  
 số:01GTKT2/001  
 Ký hiệu : VM/12P  
 Số : 0370973

Kỳ 1: Từ ngày 13/11 Đến ngày 20/12

Công ty Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ :

Điện thoại :

MST :

ĐT sửa chữa : 0313.792.519

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

Địa chỉ : Số 4/46 Phố chợ Đôn – Nghĩa Xá – Lê Chân – Hải Phòng

Điện Thoại 0313.624.888

MST : 0200818473

Số công tơ : 09561658

Số hộ : \_

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	15,530	15,105		425		
				425	2177	925225
Ngày 22 tháng 12 năm 2012						
Bên bán điện						
( Đóng dấu, ghi họ tên )						
Cộng						925225
Thuế suất GTGT 10%				Thuế GTGT		92.523
Tổng cộng tiền thanh toán						1.017.748
<i>Bảng chữ : Một triệu không mười bảy ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng chẵn</i>						

Mã KH :  
 PA09080846830

Mã T.toán :  
 PA09080846830

Mã NN : 2218

Mã giá 100% SXBT

ID HĐ: 43669800

**Biểu 2.5.2**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư và  
Xây dựng Minh Vũ  
**Địa chỉ:** Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số: 02 - TT**  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI** Số: 546  
Ngày 19/12/2012 Nợ TK 642  
Nợ TK 133  
Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Hữu Đạt  
Địa chỉ: Phòng Kinh Doanh  
Lý do chi: Chi nộp tiền điện tháng 12 năm 2012  
Số tiền: 1.017.748  
(Viết bằng chữ: Một triệu không mười bảy ngàn bảy trăm bốn  
mươi tám đồng chẵn)  
Kèm theo: ..... 01 .....chứng từ gốc.

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

**Biểu 2.5.3**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI  
VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI**

Tên tài khoản- Tiền mặt

Số hiệu TK : 111( ghi Có TK 111)

Từ ngày : 01/10/2012 Đến ngày : 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các TK		
S.hiệu	Ngày			....	133	642
...	....	....	....	....	....	
PC538	09/12	Dương PKD thanh toán tiếp khách	6.180.000		516.818	5.618.182
PC539	10/12	Thanh toán cước vận chuyển	3.000.000			3.000.000
PC543	15/12	Trả tiền cước điện thoại cố định, di động trả sau	2.708.000		246.182	2.461.818
....	....	....	....	....	....	....
PC546	19/12	Thanh toán tiền điện tháng 12	1.017.748		92.523	925.225
....	....	....	....		....	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.703.452.289</b>		<b>11.993.059</b>	<b>63.723.178</b>

*Người lập*  
(Ký, họ tên)

*Kế toán trưởng*  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.5.4**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02a – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 32/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
.....	....	....	.....	
Tiền VND gửi ngân hàng	112	111	360.700.00	
Phải thu khác ngắn hạn	1388	111	159.557.615	
Thuế GTGT được khấu trừ của hh,dv	133	111	11.993.059	
Tạm ứng	141	111	37.311.065	
Mua màn hình máy tính ( Phòng KT)	153	111	6.357.143	
.....	...	....	.....	
Quỹ phúc lợi	353	111	5.100.000	
Chi phí QLDN	642	111	63.723.178	
Cộng	x	x	<b>1.703.452.289</b>	

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.5.5**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02b – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ***Năm 2012*

<b>Chứng từ ghi sổ</b>		<b>Số tiền</b>
<b>Số hiệu</b>	<b>Ngày tháng</b>	
...	...	...
31/12	31/12	1.877.892.505
32/12	31/12	1.703.452.289
33/12	31/12	2.533.025.863
34/12	31/12	2.191.616.216
35/12	31/12	3.530.411.007
....	...	...
45/12	31/12	255.693.153
46/12	31/12	27.259.198
47/12	31/12	10.124.810
48/12	31/12	4.603.578.161
49/12	31/12	4.279.897.454
50/12	31/12	4.603.578.161
<b>Cộng quý 4</b>		<b>38.528.904.619</b>

Số này có ... trang, đánh số từ trang...

Ngày mở sổ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.5.6**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
	32/12	31/12	Chi tiền mặt	111	63.723.178	
	34/12	31/12	Chi từ tiền gửi NH	1121	51.435.076	
			.....			
	45/12	31/12	Phải trả CNV	334	39.222.096	
	46/12	31/12	Phải trả phải nộp khác	338	9.021.082	
			.....			
	50/12	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911		278.359.903
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>278.359.903</b>	<b>278.359.903</b>
			<b>SDCK</b>			

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ.**

- Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang TK911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lãi hoặc lỗ.

- Thuế TNDN được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế TNDN được tính và kế toán định khoản bằng bút toán:

Nợ TK821

Có TK3334

❖ **Chứng từ sử dụng:** - Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- Công ty dùng TK911 để phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của Doanh nghiệp trong kỳ.
- TK 821: Chi phí thuế TNDN
- TK421: Lợi chuẩn chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan

❖ **Quy trình hạch toán:**

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có tài khoản 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ tài khoản 911. Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ tài khoản 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp Nhà nước như sau:

***Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK911 – SPS bên Nợ TK 911.***

***Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế \* thuế suất thuế TNDN***

- Khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm. Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – “Lợi nhuận sau thuế”.

- Cuối quý 4/ năm 2012 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2012.

- Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Sau đó, xác định thuế TNDN mà Công ty phải nộp. Từ đó, xác định được số tiền lãi của Công ty trong kỳ. Sau đó, kế toán ghi Sổ cái TK 911 và Sổ cái TK 421.

***Ví dụ minh họa:***

- Xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2012

+ Nợ TK 511: 4.601.851.582

Nợ TK 515: 1.726.579

Có TK 911: 4.603.578.161

+ Nợ TK 911: 4.561.128.906

Có TK632: 4.279.897.454

Có TK 635: 3.271.549

Có TK 642: 278.359.903

Xác định kết quả kinh doanh ta thấy Quý 4 Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ có Lợi nhuận trước thuế ( LNtt) = 42.049.255 đồng, vì vậy doanh nghiệp phải nộp thuế TNDN với thuế suất 25% và kết chuyển lãi

+ Nợ TK821: 10.512.314

Có TK3334: 10.512.314



+ Nợ TK 911: 10.512.314

Có TK821: 10.512.314

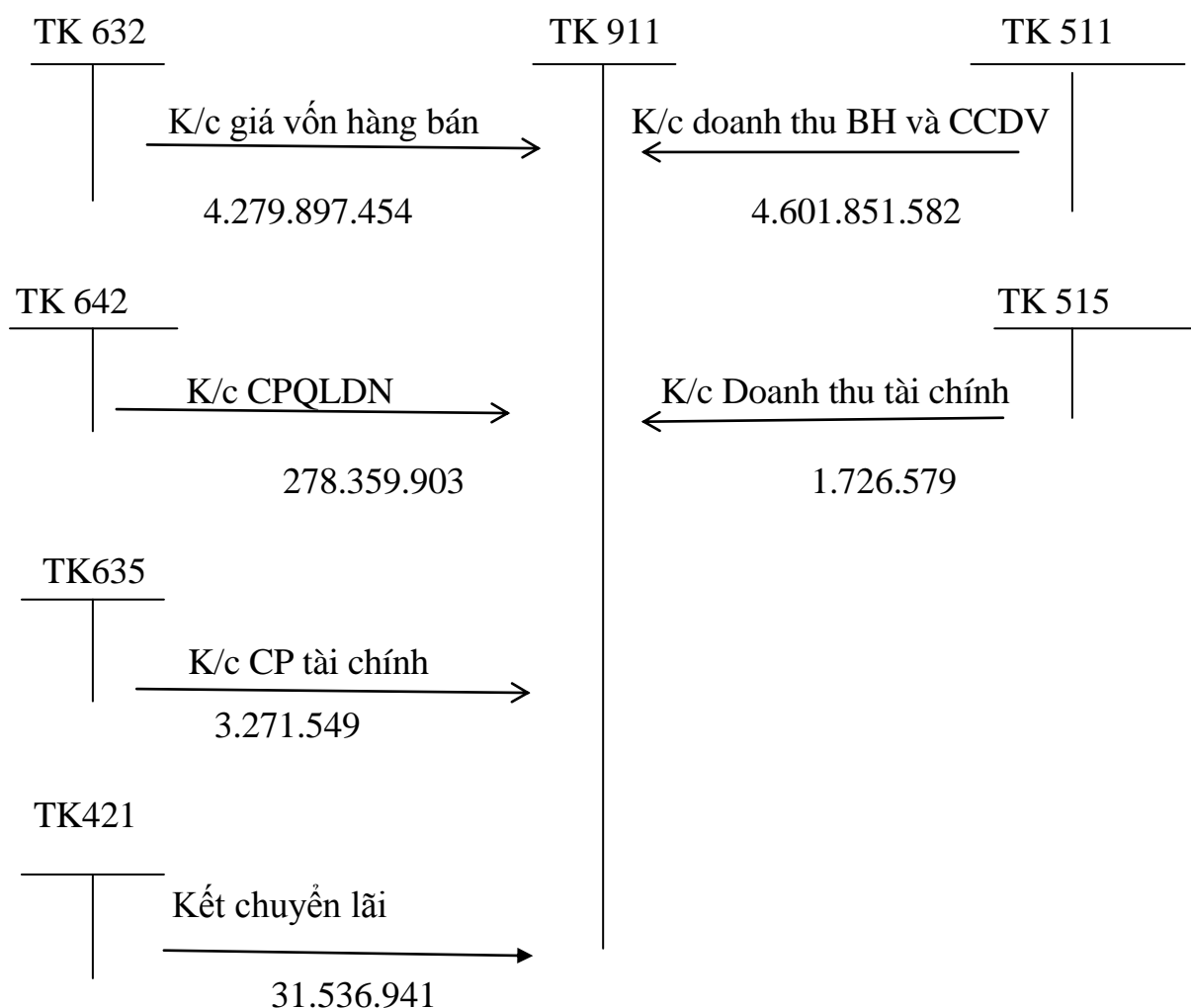
+ Nợ TK 911: 31.536.941

Có TK421: 31.536.941

Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt từ các Phiếu kế toán. Từ số liệu trên phiếu kế toán vào Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 911, 821, 421. Và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

*Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng*

*sơ đồ 2.6*



*Sơ đồ 2.6 : Kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh quý 4/2012*

**Biểu 2.6.1**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa Xá-  
Lê Chân-Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 40

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK nợ</b>	<b>TK có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và ccdv Q4	511	911	4.601.851.582
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.726.579
	<b>Cộng</b>			<b>4.603.578.161</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.6.2**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa Xá-  
Lê Chân-Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 41

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK nợ</b>	<b>TK có</b>	<b>Số tiền</b>
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán Q 4	911	632	4.279.897.454
2	Kết chuyển chi phí tài chính Quý 4	911	635	3.271.549
3	Kết chuyển chi phí QLDN Quý 4	911	642	278.359.903
	<b>Cộng</b>			<b>4.561.528.906</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.6.3**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
 Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đông-Nghĩa Xá-  
 Lê Chân-Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 42

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	821	10.512.314
2	Kết chuyển lãi Q4/ 2012	911	421	31.536.941
	<b>Cộng</b>			<b>42.049.255</b>

**Người lập**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 2.6.4**

**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
 Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
 Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02a – DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 48/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu HĐTC Q4	515	911	1.726.579	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và ccdv Q4	511	911	4.601.851.582	
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>4.603.578.161</b>	

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Lập, ngày ... tháng ... năm ....

**Người lập**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 2.6.5**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
 Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
 Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
 Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02a – DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số: 50/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

<i>Trích yếu</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>		<i>Số tiền</i>	<i>Ghi chú</i>
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn Quý 4	911	632	4.279.897.454	
Kết chuyển chi phí QLDN Q4	911	642	278.359.903	
Kết chuyển chi phí tài chính Q4	911	635	3.271.549	
Kết chuyển thuế TNDN	911	821	10.512.314	
Xác định kết quả kinh doanh Q4	911	421	31.536.941	
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>4.603.578.161</b>	

Kèm theo: ..... chứng từ gốc

Lập, ngày ... tháng ... năm ....

**Người lập**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.6.6****Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư

Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

Địa chỉ: Số 4/46 Phố chợ Đôn-Nghĩa

Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02b – DN**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ***Năm 2012*

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
31/12	31/12	1.877.892.505
32/12	31/12	1.703.452.289
33/12	31/12	2.533.025.863
34/12	31/12	2.191.616.216
35/12	31/12	3.530.411.007
....	...	...
45/12	31/12	255.693.153
46/12	31/12	27.259.198
47/12	31/12	10.124.810
48/12	31/12	4.603.578.161
49/12	31/12	4.279.897.454
50/12	31/12	4.603.578.161
<b>Cộng quý 4</b>		<b>38.528.904.619</b>

Số này có ... trang, đánh số từ trang...

Ngày mở sổ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
**Giám đốc**  
(Ký họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.6.7**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		<b>Số phát sinh</b>			
48/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		4.601.851.582
48/12	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515		1.726.579
50/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	4.279.897.454	
50/12	31/12	Kết chuyển CP TC	635	3.271.549	
50/12	31/12	Kết chuyển CP QLDN	642	278.359.903	
50/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	10.512.314	
50/12	31/12	Xác định kết quả KD	421	31.536.941	
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>4.603.578.161</b>	<b>4.603.578.161</b>
		<b>SDCK</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.6.8**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 821 – Thuế thu nhập Doanh nghiệp

Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		<i>Số phát sinh</i>			
47/12	31/12	Xác định Thuế TNDN phải nộp Quý 4	3334	10.512.314	
50/12	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911		10.512.314
		<i>Cộng phát sinh</i>		<i>10.512.314</i>	<i>10.512.314</i>
		<i>SDCK</i>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.6.9**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ  
Địa chỉ: Số 4/46 phố chợ Đông-Nghĩa  
Xá-Lê Chân-Hải Phòng

**Mẫu số S02c1 – DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Từ ngày: 01/10/2012 đến ngày: 31/12/2012

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		<i>SDDK</i>			<b>221.445.029</b>
50/12	31/12	Lãi quý 4	911		31.536.941
		<i>Cộng phát sinh</i>			<b>31.536.941</b>
		<i>SDCK</i>			<b>252.981.970</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư  
Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

**Mẫu số B02 –DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Quý 4 Năm 2012*

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4.601.851.582	2.682.600.006
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 – 02)	10		4.601.851.582	2.682.600.006
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	4.279.897.454	2.512.872.156
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		32.195.128	169.787.850
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.726.579	1.452.686
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	3.271.549	
- Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8.Chi phí bán hàng	24			
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		278.359.903	148.363.651
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		42.049.255	22.876.855
11.Thu nhập khác	31			
12.Chi phí khác	32			
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		42.049.255	22.876.855
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	10.512.314	5.719.214
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31.536.941	17.157.641
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

*Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013*

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## CHƯƠNG 3

# ĐỀ XUẤT MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG MINH VŨ

### 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Trong công tác kế toán: công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán công ty đã thực hiện và áp dụng các chế độ kế toán Nhà nước một cách triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đặt ra.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán của công ty. Vì vậy, nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

#### 3.1.1. Ưu điểm

Trong quá trình tìm hiểu các phần hành kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ, em nhận thấy công ty có những ưu điểm như sau:

➤ **Về bộ máy kế toán**

❖ **Đối với công tác kế toán**

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, công ty nên nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh :

- Mô hình bộ máy kế toán của công ty là kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán trên văn phòng công ty.

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn.

- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012 đã phản ánh khá đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh theo đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước.

Như vậy, công ty đã thực hiện đúng các chế độ chế toán do BTC quy định, kịp thời sử đổi, bổ sung theo những thông tư, chuẩn mực và luật kinh tế mới. Cuối

các niên độ kế toán, kế toán đã tiến hành lập và phân tích một số chỉ tiêu tài chính quan trọng như: tỷ suất sinh lời, khả năng trả nợ của công ty... Nhằm đưa ra các biện pháp ngăn ngừa và hạn chế những hậu quả xấu xảy ra.

➤ **Về bộ máy quản lý**

Cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự sáng suốt của Ban quản trị, Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mới... với sự nỗ lực đó của Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

**3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những mặt tích cực cần được phát huy thì công tác kế toán của công ty vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

❖ **Về bộ máy kế toán**

- Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

- Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

❖ **Công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Kế toán chỉ theo dõi các nghiệp vụ phát sinh cho TK511 trên sổ cái TK511 mà không mở sổ chi tiết TK511, cũng như Sổ chi tiết bán hàng, vì thế mà kế toán không thể nắm được doanh thu của từng công trình, hạng mục, qua đó không theo dõi được lãi gộp mà từng công trình mang lại.

- Kế toán không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi giá vốn hàng bán cho từng công trình, điều này sẽ gây khó khăn cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành của từng công trình.

- Kế toán không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho TK642 theo từng yếu tố, điều này sẽ gây khó khăn cho việc hạch toán chi phí và theo dõi từng yếu tố chi phí QLDN.

❖ **Trích lập các khoản dự phòng**

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên nhưng lại thanh toán chậm. Nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hóa tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó

❖ **Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

- Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến công ty trong quá trình kinh doanh.

- Hiện tại, công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,... Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của công ty kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến nhỏ đến hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

### **3. 2. Đề xuất một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ**

#### ***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .***

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình. Hơn nữa, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh còn có ý nghĩa lớn trong việc tăng cường quản lý tài chính giúp doanh nghiệp xác định được khả năng sinh lời của vốn kinh doanh trong từng thời điểm cũng như từng bộ phận kinh doanh. Thông qua việc phân tích các chỉ số tài chính trong quá khứ doanh nghiệp sẽ lập cho mình những kế hoạch cũng như những chiến lược kinh doanh cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại và xây dựng là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh, làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn làm được điều đó thì trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt khâu bán hàng vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

### ***3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản có tính bắt buộc. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán để phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

### ***3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ***

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, cá nhân em đã thấy được quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có rất nhiều điểm tích cực nhưng bên cạnh đó cũng có những mặt hạn chế. Trước yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, đồng thời nhằm tăng cường quản lý tài chính và việc ra quyết định của các nhà quản trị, trên cơ sở những kiến thức được học và thực tế, em xin đưa ra một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ như sau :



## ***Ý kiến 1 : Ứng dụng phần mềm kế toán***

Đến năm 2012, công ty vẫn sử dụng kế toán máy Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán. Công ty nên kết hợp kế toán máy Excel và phần mềm kế toán máy nhằm phát huy được những ưu điểm, hạn chế được những nhược điểm của hai hình thức.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp ứng yêu cầu quản lý, công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán. Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,.. Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty. Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.. Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

Ví dụ : **Phần mềm kế toán SAS INNOVA** (phiên bản 6.8)

Phần mềm Quản trị Doanh nghiệp SAS INNOVA 6.8 là phiên bản mới nhất của Công ty SIS Việt Nam. Phiên bản đã được thiết kế theo quy định mới nhất của Bộ Tài chính. Với sản phẩm này người sử dụng chỉ cần cập nhật các số

liệu đầu vào phát sinh chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh.

Một số tính năng nổi bật nhất : người dùng chỉ việc lựa chọn giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản, cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự, cho phép thực hiện các nghiệp vụ tạo và in phiếu thu tiền, phiếu xuất kho ngay trên HĐ bán hàng. ...

Dưới đây là giao diện làm việc của phần mềm kế toán Sas Innova :



***Ý kiến 2: Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán tại Công ty CP Đầu tư thương mại và Xây dựng Minh Vũ.***

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô, quy trình kinh doanh và mục đích quản trị tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện nên bao gồm cả hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên khi hạch toán kế toán, công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ mới chỉ ghi sổ Chứng từ ghi sổ và Sổ Cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại công ty, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại chi phí, từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác, có hiệu quả hơn.

- *Về phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* do chưa mở sổ Chi tiết bán hàng nên kế toán không theo dõi được doanh thu của từng công trình. Việc mở Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S35-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) sẽ giúp cho công ty theo dõi được doanh thu, giá vốn, lãi gộp của từng công trình. Qua đó, Công ty có thể xem xét và so sánh kết quả thực hiện giữa các công trình với nhau để đưa ra được đánh giá về việc thực hiện xây dựng, quản lý công trình nào tốt, công trình nào còn chưa tốt, từ đó có các biện pháp hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc theo dõi trên Sổ chi tiết bán hàng là rất cần thiết, nếu không Công ty chỉ xác định được tổng doanh thu trong kỳ, tính chung cho tất cả các công trình.

- *Về phần giá vốn hàng bán:* Do chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu S36-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) theo dõi chi tiết cho TK 632 nên kế toán chưa theo dõi được phần giá vốn hàng bán của từng công trình phát sinh trong kỳ, vì vậy việc tổng hợp giá

vốn của từng hạng mục công trình là rất khó khăn. Với Sổ chi tiết TK 632 chỉ có thể tính được giá vốn chung của tất cả các công trình, cho nên mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh sẽ giúp kế toán theo dõi giá vốn hàng bán cho từng công trình dễ dàng hơn.

- Về phần chi phí quản lý doanh nghiệp: do chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC ) nên khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 642 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp theo từng yếu tố sẽ giúp Công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn. Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho TK 642, tài khoản này được mở chi tiết thành 8 tiểu khoản, nội dung của các tiểu khoản này bao gồm:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,...

- TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc,...

- TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.

- TK 6426 - Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

- TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kê trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

***Lấy lại ví dụ ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp.***

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0003859 xuất cho Công ty Đường bộ Hải Phòng, kế toán tiến hành nhập vào các sổ sách liên quan (như trên), sau khi nhập vào sổ chi tiết TK 511 kế toán nhập vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 2.1).

- Kế toán mở Sổ CP sản xuất kinh doanh theo dõi chi tiết cho TK 642 (Biểu số 2.3), khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sẽ có thể theo dõi chi tiết theo từng yếu tố.

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm ( hàng hóa, dịch vụ): Công trình xây dựng sửa đường từ TL352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131

Từ ngày : 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
HD3859	28/12	Sửa đường từ TL352 vào trạm bơm kho xăng dầu K131	131	1	574.599.018	574.599.018		
		Cộng phát sinh			574.599.018	574.599.018		
		Doanh thu thuần				574.599.018		
		Giá vốn hàng bán				568.155.046		
		Lãi gộp				6.443.972		

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642- Chi phí Quản lý DN

Từ ngày : 01/10/2012 đến ngày 31/12/2012

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi có TK...				
Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					TK6421	...	TK6427	TK6428
PC538	09/12	Chi tiền phục vụ QLDN	111	5.618.182				5.618.182
BTTL	15/12	Lương phải trả CNV tháng 11	334	39.222.096	39.222.096			
PC546	19/12	Thanh toán tiền điện	111	925.225			925.225	
		...						
		Cộng phát sinh		278.359.903	39.222.096	...	95.448.521	115.414.789
		Ghi nợ TK 911		278.359.903				
		<b>SDCK</b>		-				

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

### ***Ý kiến 3 : Việc trích lập các khoản dự phòng***

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa tổn thất về các khoản phải thu khó đòi, hạn chế những đột biến về kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán, công ty phải tính toán số nợ có khả năng khó đòi trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán nên trích lập các khoản dự phòng cần thiết. Tùy theo trường hợp cụ thể công ty có thể kế toán các khoản dự phòng theo trình tự sau:

Cuối kỳ kế toán năm, công ty căn cứ vào các khoản phải thu được xác định là không chắc chắn thu được kế toán tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập

Phương pháp xác định mức dự phòng cần trích lập:

<b>Thời gian quá hạn thanh toán</b>	<b>Mức dự phòng cần trích lập</b>
6 tháng $\leq t \leq$ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu
1 năm $< t \leq$ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu
2 năm $< t <$ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu
Từ $\geq$ 3 năm	100% giá trị nợ phải

- Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm được hạch toán :

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập và ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được,



được phép xóa nợ (Việc xóa nợ phải đúng với chế độ kế toán hiện hành) căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Hoặc: Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng nợ có điều kiện trả nợ.

- Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý nợ nếu sau đó thu hồi được kế toán ghi: Nợ TK 111,112: Số tiền khách trả nợ

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn bên có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý.

**VD** : Tình hình phải thu nợ khó đòi của công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ:

Khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích dự phòng	Số tiền trích
Nhà máy sản xuất dây hàn Hải Dương	607.965.347	3 năm	70%	425.575.743.
Xí nghiệp xăng dầu K131	332.631.348	6 tháng	30%	99.789.404
Đài viễn thông Tiên Lãng	65.727.380	21 tháng	50%	32.863.690

➔ Ý nghĩa của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là: giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

#### ***Ý kiến 4: Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán***

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ có số lượng khách hàng nợ lớn. Để có thể thu hồi vốn nhanh, rút ngắn vòng quay vốn thì công ty cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện chính sách này một cách có hiệu quả công ty cần có những biện pháp sau :

- Công ty phải thường xuyên quan tâm đốc thúc khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho các cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như là không hoàn thành nhiệm vụ.
- Đưa ra những chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm trong đó quan trọng là chính sách chiết khấu thanh toán .

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại
- Chính sách kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ cụ thể.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua TK635 – Chi phí tài chính.

Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

## KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã đạt được những kết quả:

➤ *Về mặt lý luận*: hệ thống hóa được những lý luận liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán hiện hành.

➤ *Về mặt thực tế*: trên cơ sở những lý luận, đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ trong một kỳ kế toán của năm 2012 theo chế độ kế toán hiện hành và từ đó thấy được những ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

+ *Về tổ chức bộ máy kế toán*: bộ máy kế toán được tổ chức một cách hệ thống, có kế hoạch và sự phối hợp chặt chẽ, hoạt động liên tục đảm bảo cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

+ *Về hệ thống chứng từ kế toán*: xây dựng hệ thống chứng từ, tài khoản được vận dụng theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

+ *Về sổ sách kế toán*: các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của Nhà nước

+ *Hình thức kế toán áp dụng*: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ với ưu điểm tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lập báo cáo tài chính một cách chính xác.

+ *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*: doanh nghiệp đã gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép đầy đủ, chính xác, chi tiết và đảm bảo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí. Đồng thời, việc tập hợp các khoản mục doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh luôn được thực hiện kịp thời và chính xác

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.

+ Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

+ Khi hạch toán doanh thu, chi phí công ty chỉ lập Sổ Chứng từ - ghi sổ và Sổ Cái cứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản, điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra, đối chiếu sổ sách kế toán.

- Trích lập các khoản dự phòng

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm. Nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hóa tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

- Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến công ty trong quá trình kinh doanh.

Hiện tại, công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,... Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của công ty kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến nhỏ đến hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

Với kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, đề tài nghiên cứu của em đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Minh Vũ như sau :

- Công ty nên áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán, cụ thể là sử dụng hình thức kế toán máy, giúp hạch toán nhanh, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại chi phí, từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác, có hiệu quả hơn.

- Mặt khác, công ty nên sử dụng chiết khấu thanh toán đối với công tác bán hàng, điều này không những giúp thúc đẩy việc tiêu thụ hàng hóa mà còn giúp thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa tổn thất về các khoản phải thu khó đòi, hạn chế những đột biến về kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán, công ty phải tính toán số nợ có khả năng khó đòi trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán nên trích lập các khoản dự phòng cần thiết. giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ngô Thế Chi. 2010. *Giáo trình kế toán tài chính*. NXB Tài chính
- [2]. Phạm Huy Đoái và Nguyễn Thanh Tùng. *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp*. NXB Tài chính.
- [3]. *Chế độ kế toán doanh nghiệp (2010), Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.*  
*Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán*  
*Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán.*
- [4]. Hệ thống Website:  
Website: <http://Webketoan.com>  
Website: <http://Tapchiketoan.com>  
Website : <http://Danketoan.com>
- [5]. Một số bài nghiên cứu khoa học khóa trước – Thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.